

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC GELEX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99./2023/GE-CBTT

Hà Nội, ngày 9. tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Điện lực Gelex

- Mã chứng khoán: GEE
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

2. Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Theo yêu cầu Định kỳ

3. Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Điện lực Gelex trân trọng công bố: Báo cáo Thường niên năm 2022. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 9./04/2023 tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp luật về nội dung.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

Người được ủy quyền công bố thông tin


Phạm Tuấn Anh



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Năm 2022, Công ty đạt 16.665 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 10,95% so với 2021, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.120 tỷ đồng, tăng trưởng 36,92% so với 2021, hoàn thành lần lượt 87,2% và 56% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ lần lượt đạt 2.587 tỷ đồng, giảm 8,84% và 913 tỷ đồng tăng 142% so với 2021.

Kính gửi: Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (“GELEX Electric”), tôi xin gửi lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, và thành công tới các Quý cổ đông.

2022 - Nền tảng vững chắc

Năm 2022 tiếp tục là một năm đầy thử thách đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi chịu ảnh hưởng từ các biến động của vĩ mô thế giới như áp lực lạm phát, các xung đột địa chính trị, thách thức chuỗi cung ứng toàn cầu và đại dịch kéo dài. Tại Việt Nam, tình hình được kiểm soát khá tốt, tuy nhiên, các biến động nhanh, khó lường từ vĩ mô thế giới đã làm gia tăng rủi ro lên thị trường tài chính, tiền tệ trong nước. Trải qua năm 2022, bên cạnh việc đối mặt với thách thức từ yếu tố vĩ mô, GELEX Electric và các doanh nghiệp thành viên còn phải chịu áp lực từ sự bất ổn của giá nguyên vật liệu đầu vào và đặc biệt là sự sụt giảm của nhu cầu thị trường trong các tháng cuối năm. Tuy vậy, nắm bắt được sự thay đổi vĩ mô đó, năm 2022, GELEX Electric tập trung vào quản trị rủi ro, trọng tâm giữ vững thị phần, thị trường, tinh gọn trong hoạt động, và nâng cao sức khỏe tài chính.

“Đặt khách hàng làm trọng tâm”, chúng tôi thúc đẩy các doanh nghiệp tập trung đáp ứng tốt hơn nữa các cam kết với khách hàng đồng thời, kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, khoản phải thu, ... bằng những hoạt động này, chúng tôi đã có những cải tiến nhỏ nhưng vững chắc trong hoạt động.

Theo đó, năm 2022, Công ty đạt 16.665 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 10,95% so với 2021, lợi nhuận

trước thuế hợp nhất đạt 1.120 tỷ đồng, tăng trưởng 36,92% so với 2021, hoàn thành lần lượt 87,2% và 56% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ lần lượt đạt 2.587 tỷ đồng, giảm 8,84% và 913 tỷ đồng tăng 142% so với 2021.

Đặc biệt, năm 2022, chúng tôi cũng đã hoàn thành việc di dời nhà máy của Công ty Dây đồng Việt Nam (CFT), di dời nhà máy của Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI), hoàn thành cải tiến, đầu tư giai đoạn 1 nhà máy Công ty cổ phần chế tạo Điện cơ Hà Nội, việc hoàn thiện, nâng cao năng lực từng mảng ghép trong tổng thể bức tranh các mảng SXKD của Công ty sẽ giúp chúng tôi “gia cố” nền tảng SXKD chung của hệ thống. Trong năm 2022, chúng tôi cũng đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần mua bán điện GELEX – từng bước đặt chân phát triển hoạt động mua bán điện trong các khu công nghiệp với mục tiêu trước mắt cung cấp điện trong các khu công nghiệp do hệ thống các công ty trong Tập đoàn GELEX phát triển và vận hành.

Thưa Quý vị Cổ đông, với mỗi bối cảnh thị trường sẽ đặt ra các thách thức khác nhau cho doanh nghiệp, vấn đề quan trọng là cách thức các doanh nghiệp đối mặt vượt qua và tiếp tục tận dụng các cơ hội, với chúng tôi, thách thức là liều thuốc thử cho toàn thể đội ngũ lãnh đạo và CBNV Công ty và các công ty thành viên để chúng tôi tiếp tục nỗ lực, kiên định vững bước với các kế hoạch và mục tiêu phía trước.

2023 - sẵn sàng vượt “cơn gió ngược”

Năm 2022 đã được chứng kiến những sự kiện chưa hề có tiền lệ trong kinh tế vĩ mô thế giới, năm 2023 cũng sẽ tiềm ẩn những rủi ro, thách thức khó dự đoán, nhận thức điều này để chủ động có các kịch bản đối phó với những

“cơn gió ngược” là hết sức cần thiết. Năm 2023, toàn bộ hệ thống GELEX Electric sẽ tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng thị trường, đầu tư vào việc nghiên cứu các sản phẩm mới chất lượng cao, đi đôi với đẩy mạnh kiểm soát, quản trị rủi ro hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tái cấu trúc sở hữu vốn tại các doanh nghiệp phát điện và tiếp tục sẽ tiếp tục có các hoạt động M&A các doanh nghiệp tiềm năng với mục tiêu hoàn thiện chuỗi giá trị ngành điện, mang lại sự tăng trưởng về quy mô, gia tăng lợi thế cạnh tranh, phục vụ cho chiến lược lâu dài trong tương lai.

Về tổ chức quản trị, năm 2023 Công ty sẽ chú trọng phát triển nguồn lực con người, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân sự kế thừa, rà soát chính sách lương, thưởng, thu nhập, ... các quy định quản trị nhằm khuyến khích nhân sự phát huy tính chủ động, sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm cho toàn thể CBNV.

Song song với đó, trách nhiệm đối với xã hội – cộng đồng là vấn đề luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm, năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục có các hoạt động thiết thực trong hoạt động vì cộng đồng, hướng tới hỗ trợ các khu vực, các trường hợp còn khó khăn trên toàn quốc.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành với Công ty trong suốt thời gian qua và tiếp tục đồng hành với chúng tôi trong hành trình đầy thử thách phía trước.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN VĂN TUẤN

Những con số ấn tượng của GELEX Electric

TOP DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

TOP 1

TỔNG TÀI SẢN

17.420
tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.000
tỷ đồng

VỐN ĐIỀU LỆ

3.000
tỷ đồng

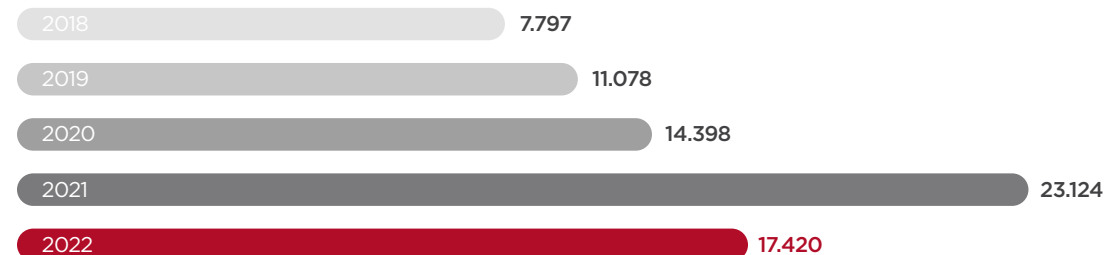
DOANH THU THUẦN

16.665
tỷ đồng

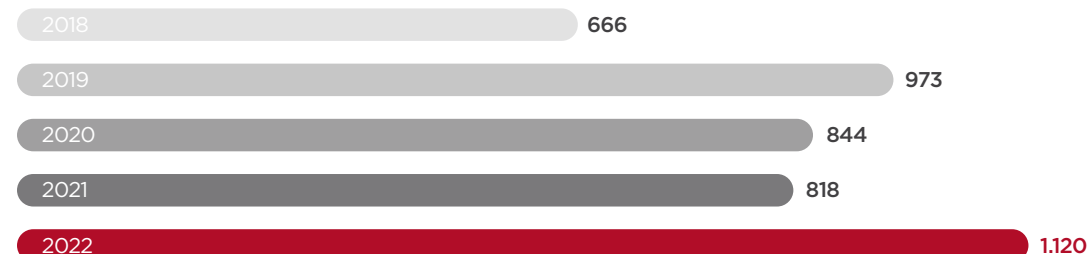
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.120
tỷ đồng

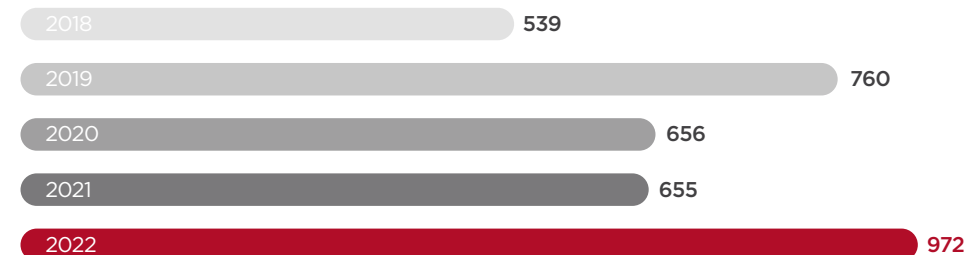
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)



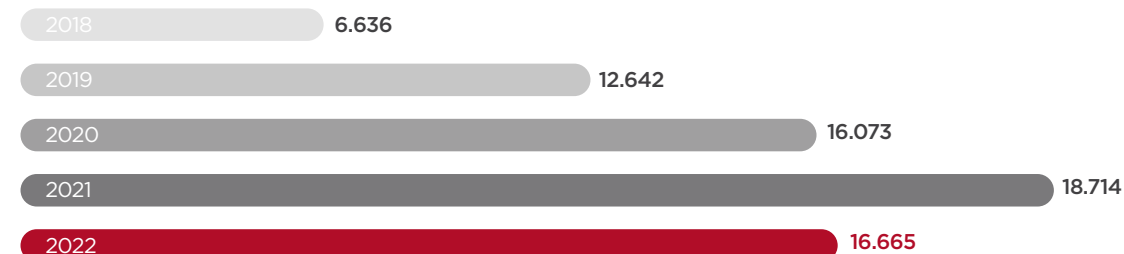
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)



Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)



Mục lục

CHƯƠNG 1

Tổng quan về GELEX Electric	12	Thông tin chung
	14	Quá trình hình thành và phát triển
	16	Giải thưởng năm 2022
	18	Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
	22	Định hướng phát triển
	23	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
	34	Cổ phần và cơ cấu cổ đông
	38	Các rủi ro

CHƯƠNG 2

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty	42	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty
	43	Tình hình tổ chức và nhân sự
	44	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
	46	Tình hình tài chính
	46	Đánh giá của TGD về tình hình tài sản và tình hình nợ phải trả
	50	Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu
	50	Giao dịch cổ phiếu quỹ
	50	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
	51	Kế hoạch phát triển trong tương lai
	53	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
53	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	

CHƯƠNG 3

Báo cáo của Hội đồng quản trị	56	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Gelex Electric năm 2022
	58	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
	59	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 4

Quản trị Công ty	62	Các hoạt động của Hội đồng quản trị
	64	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban TGD và Ban Kiểm soát

CHƯƠNG 5

Báo cáo phát triển bền vững	68	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
------------------------------------	----	---

CHƯƠNG 6

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán	74	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
	76	Báo cáo kiểm toán độc lập
	78	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
	82	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
	84	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
	86	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

PHỤ LỤC

164	Phụ lục 01 - Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022
172	Phụ lục 02 - Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Thuật ngữ/ Từ viết tắt

CTCP	Công ty cổ phần
GELEX Electric	CTCP Điện lực GELEX
CADIVI	CTCP Dây cáp điện Việt Nam
THIBIDI	CTCP Thiết bị điện
HEM	CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội
EMIC	CTCP Thiết bị đo điện EMIC
CFT	Công ty dây đồng Việt Nam CFT
HDQT	Hội đồng quản trị
CTTV	Công ty thành viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VLXD	Vật liệu xây dựng
TV HDQT	Thành viên HDQT
PTBV	Phát triển bền vững
KQKD	Kết quả kinh doanh
CBNV	Cán bộ nhân viên



CHƯƠNG 1

Tổng quan về GELEX Electric

- 12 Thông tin chung
- 14 Quá trình hình thành và phát triển
- 16 Giải thưởng năm 2022
- 18 Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
- 22 Định hướng phát triển
- 23 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 34 Cổ phần và cơ cấu cổ đông
- 38 Các rủi ro



Thông tin chung

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0107547109
Vốn điều lệ	3.000.000.000.000 VNĐ (Ba nghìn tỷ đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.999.490.389.387 VNĐ.
Địa chỉ	Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024 73012344
Số fax	02436255297
Website	gelex-electric.com
Mã chứng khoán	GEE



Quá trình hình thành và phát triển

TÁI CẤU TRÚC

Tập đoàn GELEX thực hiện tái cấu trúc toàn bộ Công ty, trong đó bao gồm việc đổi tên Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện thành Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex với vai trò là công ty sub-holdings nắm giữ và quản lý phần vốn góp của GELEX tại các công ty sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị điện: Công ty TNHH Thiết bị đo điện Emic (EMIC); Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI” – đã niêm yết tại HOSE với mã chứng khoán CAV), Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM” – đã đăng ký giao dịch chứng khoán tại UPCOM với mã chứng khoán HEM), Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI” – đã niêm yết tại HOSE với mã chứng khoán THI)

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN VỚI VỐN ĐIỀU LỆ 3.000 TỶ ĐỒNG.

Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

Doanh thu thuần đạt 18.714 tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2020 và lãi sau thuế 655 tỷ đồng.

Ngày 24/12/2021, Chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 8885/UBCK-GSĐC ngày 24/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2021/GCNCP-VSD ngày 29/12/2021. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Lĩnh vực thủy điện và điện mặt trời: Sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Phát điện Gelex.
- Lĩnh vực điện gió: Sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị.

VỮNG VÀNG VƯỢT KHÓ

GELEX Electric đang là công ty mẹ sở hữu trực tiếp 09 công ty con sản xuất - kinh doanh trong 02 lĩnh vực chính: Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện và quản lý, đầu tư các dự án nguồn phát điện, bao gồm:

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”);
 Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”);
 Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”);
 Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC (“EMIC”);
 Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”);
 Công ty TNHH Phát điện Gelex (“Phát điện Gelex”);
 Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị (“Gelex Quảng Trị”);
 Công ty Cổ phần Mua bán điện Gelex (“Mua bán điện Gelex”);
 Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh (“DONG ANH MEE”)

2018

2021

HIỆN NAY

2016

2020

2022

THÀNH LẬP

Ngày đầu thành lập, Công ty có tên là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện do Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex) (“GELEX”) sở hữu 100% vốn, được thành lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2016 với mục đích sản xuất, kinh doanh các thiết bị đo điện. Vốn điều lệ khi thành lập là 368 tỷ đồng.

THAY ĐỔI MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex chuyển đổi loại hình thành Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex (“GELEX Electric”) với vốn điều lệ là 2.218,7 tỷ đồng và trở thành chủ sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty Dây đồng Việt Nam.

CHÍNH THỨC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX) - SÀN UPCOM

Ngày 28/02/2022, Công ty nhận được Quyết định số 87/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex. Ngày giao dịch đầu tiên: 08/03/2022.

ĐỔI TÊN CÔNG TY:

Ngày 15/11/2022: Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Điện lực Gelex

Giải thưởng năm 2022

CADIVI

Thương Hiệu Quốc Gia
Lần Thứ 8 Liên Tiếp

do Hội đồng Thương hiệu Quốc gia và
Bộ Công thương trao tặng

CADIVI

Top 500 doanh nghiệp
lớn nhất Việt Nam
năm 2021

do Vietnam Report và
Báo VietNamNet trao tặng

CADIVI

Top 100
sản phẩm- dịch vụ
tin dùng Việt Nam 2022

do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng

THIBIDI

Thương hiệu
quốc gia năm 2022

do Bộ Công thương trao tặng

CADIVI

Hàng Việt Nam
chất lượng cao
(1997-2023) 27 năm liên tục

do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam
Chất Lượng Cao trao tặng

CADIVI

Top 10 Nhà cung ứng
dịch vụ bất động sản tốt
nhất năm 2022

do Viện Nghiên cứu bất động sản Việt Nam
(VIREs) và Tạp chí điện tử bất động sản
Việt Nam (Reatimes) trao tặng

THIBIDI

Hàng Việt Nam
chất lượng cao

do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam
Chất Lượng Cao trao tặng

HEM

Hàng Việt Nam
được người tiêu dùng
yêu thích năm 2022

do Sở Công thương Hà Nội trao tặng

CADIVI

Top 50 công ty kinh doanh
hiệu quả nhất Việt Nam

do Công ty chứng khoán Thiên Việt và
Tạp chí Nhịp cầu đầu tư trao tặng

CADIVI

Doanh nghiệp TP HCM
Tiêu Biểu Năm 2022

do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
trao tặng

HEM

Top 100 giải thưởng
Sao Vàng Đất Việt 2021

do Hội Doanh nhân Trẻ Việt Nam trao tặng

ONGANMEE

Top 10 sản phẩm
công nghiệp chủ lực
Thành phố Hà Nội

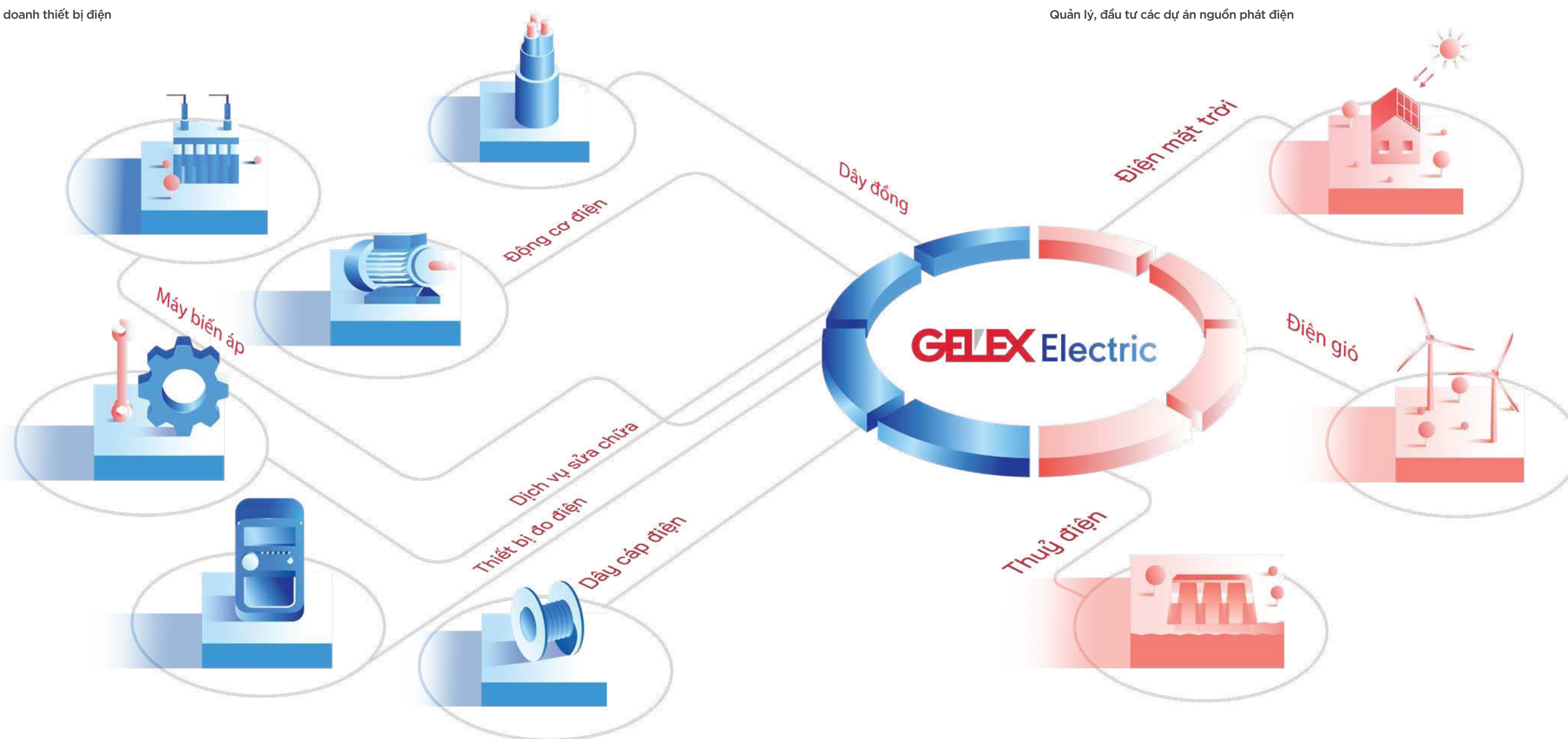
do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội
trao tặng

Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

sản xuất kinh doanh thiết bị điện và phát điện

Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện

Quản lý, đầu tư các dự án nguồn phát điện



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

GELEX Electric có trụ sở chính đặt tại Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Địa bàn kinh doanh của GELEX Electric và các đơn vị thành viên trải khắp cả nước và xuất khẩu sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

1. Hà Nội

- Trụ sở chính của GELEX Electric
- Trụ sở chính của HEM
- Nhà máy sản xuất động cơ điện (HEM)
- Trụ sở chính EMIC
- Trụ sở chính HEM
- Trụ sở chính của MEE
- Trụ sở chính của Phát điện GELEX
- Trụ sở chính của Mua bán điện GELEX

2. Bắc Ninh

- Nhà máy sản xuất EMIC
- Cadivi miền bắc

3. Quảng Trị

- Nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3

4. Đà Nẵng

- Tổng kho phân phối và bảo hành miền trung (HEM);
- Văn phòng đại diện THIBIDI
- Dự án điện mặt trời mái nhà

5. Quảng Nam

- Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A (Phú Thạnh Mỹ)

6. Ninh Thuận

- Trang trại điện mặt trời huyện Thuận Nam

7. Đồng Nai

- Trụ sở và nhà máy THIBIDI.
- 02 Nhà máy sản xuất dây đồng CADIVI
- Văn phòng đại diện GELEX Ninh Thuận
- Dự án điện mặt trời mái nhà
- CADIVI Đồng Nai
- Trụ sở chính của CFT

8. Vũng Tàu

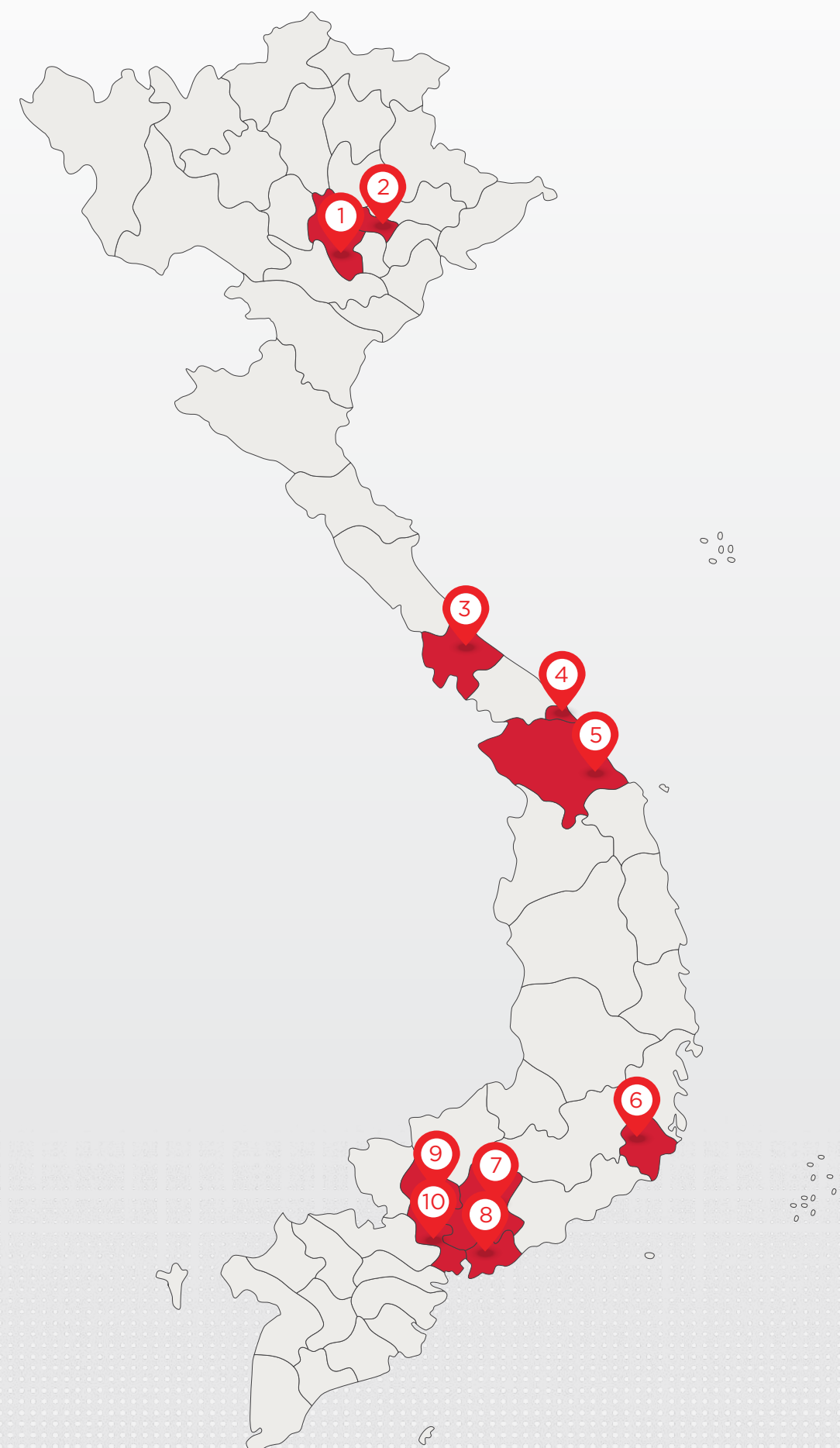
- 02 địa điểm kinh doanh của GELEX Ninh Thuận
- Dự án điện mặt trời mái nhà

9. Bình Dương

- Dự án điện mặt trời trên mái nhà

10. TP. Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính CADIVI
- Nhà máy CADIVI Miền Đông
- Tổng kho phân phối và bảo hành Miền Nam (HEM).
- Văn phòng đại diện tại Miền Nam (HEM)
- Dự án điện mặt trời mái nhà



Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển chung của công ty



- Tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu, duy trì thương hiệu lâu đời trong ngành sản xuất thiết bị điện, bao gồm máy biến áp truyền tải và phân phối, dây cáp điện, động cơ điện, thiết bị đo điện...
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thiết bị điện tiên tiến với công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của thị trường, nỗ lực trong việc tăng thị phần.
- Nâng cao năng lực quản lý vận hành và đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển khởi phát điện trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.
- Tiếp tục xây dựng nền tảng quản trị cao nhất với năng lực tài chính vững mạnh.

Thực hiện và phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt, hoạch định chiến lược trong sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành và sử dụng, huy động nguồn lực

a. Đối với khối sản xuất thiết bị điện:

- Củng cố thị trường truyền thống, tăng cường phát triển thị trường trong nước và nước ngoài thông qua các kênh bán hàng;
- Tối ưu hóa sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất đưa ra các sản phẩm có chất lượng ngày càng cao;
- Phát triển R&D, các sản phẩm mới ứng dụng công nghệ cao, tăng cường nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới hướng tới cung cấp đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện;
- Chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm, ứng dụng để đưa ra các thông tin quản trị tức thời, minh bạch, chính xác tin cậy nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, duy trì thị phần và giành lợi thế cạnh tranh.

b. Đối với khối phát điện:

- Quản lý vận hành hiệu quả nguồn phát điện năng lượng sạch hiện có với tổng công suất gần 200MW
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh mua bán điện, đồng thời tiếp tục nghiên cứu dịch vụ mua bán điện trực tiếp DPPA với các phụ tải khu công nghiệp.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng thông qua hoạt động M&A đầu tư chiến lược theo hình thức cơ cấu lại sở hữu của Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX.

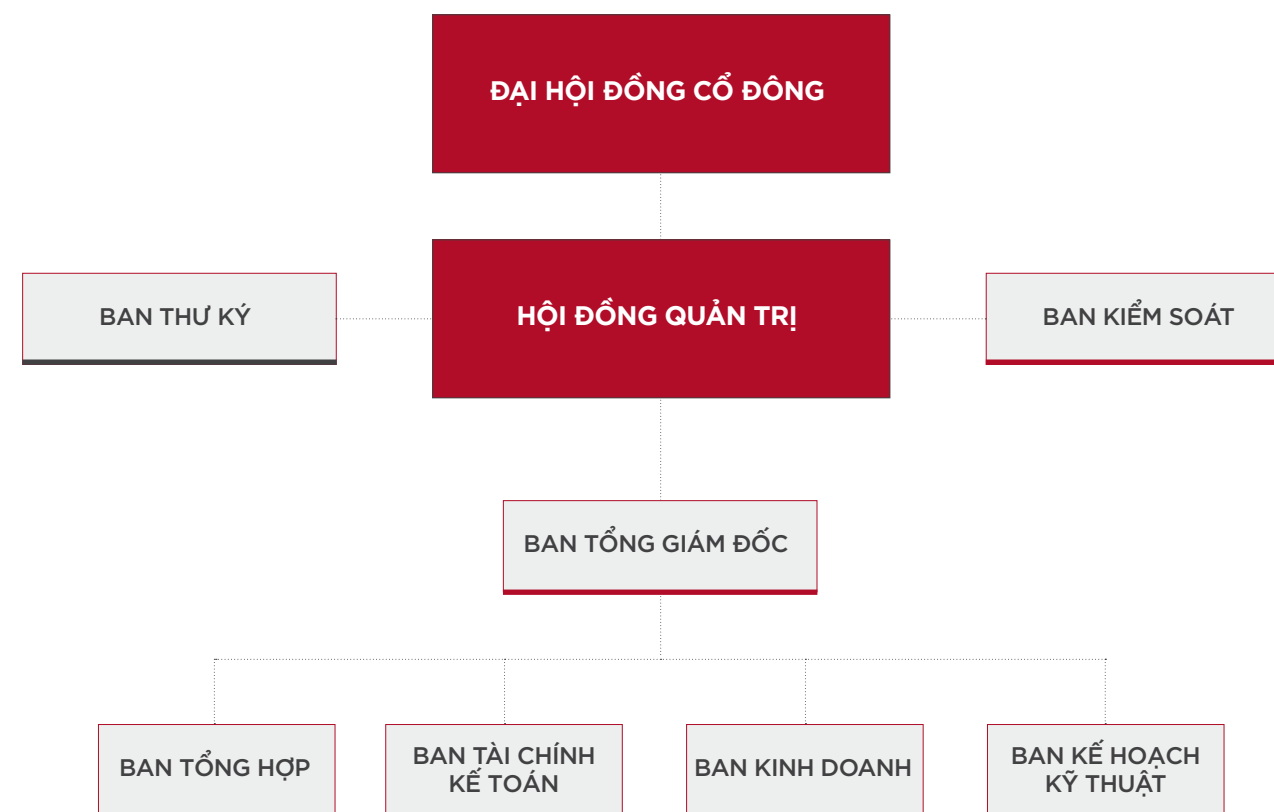
Mục tiêu và chương trình hoạt động trong 3 - 5 năm tới

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

GELEX Electric quản trị công ty theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: có 05 thành viên
- Ban Kiểm soát: có 03 thành viên
- Tổng giám đốc: là thành viên HĐQT phụ trách điều hành Công ty và dưới Tổng Giám đốc có 04 Ban chuyên môn giúp việc cho Tổng Giám đốc.



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Thông tin Ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN VĂN TUẤN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật Kinh tế và Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 09/2016 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex
 - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam từ 01/2018 - 08/2020
 - Từ 09/2016 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Gelex (12/2019 - nay), Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thiết bị điện Gelex (09/2016-12/2019)
 - Từ tháng 12/2016 - 5/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (10/2020 - nay) Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex (12/2016 - 10/2020)
 - Từ tháng 04/2017 - nay: Thành viên HĐQT từ 11/4/2017 và là Chủ tịch HĐQT từ 23/5/2017 đến nay tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam.
 - Từ tháng 06/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Viglacera-CTCP
 - Từ tháng 04/2019 - 04/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện đến ngày 01/10/2021 và là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện đến 08/4/2022.
 - Từ tháng 07/2017 - 31/12/2021: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD
 - Từ tháng 04/2016 - 04/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
 - Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam

Ông NGUYỄN TRỌNG TIỂU

Thành viên Hội đồng quản trị

- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư - Cử nhân Kinh tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 08/2018 - nay: Thành viên/ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam)
 - Từ tháng 01/2020 - 03/2020: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
 - Từ tháng 06/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP
 - Từ tháng 04/2018 - 12/2019: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex
 - Từ tháng 09/2016 - 03/2018: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
 - Từ tháng 12/2010 - 08/2016: Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 12/2010 - nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 12/2010 - 06/2020: Phó Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 07/2010 - 11/2010: Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 01/2010 - 06/2010: Tổng Giám Đốc Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
 - Từ tháng 07/2009 - 12/2009: Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
 - Từ tháng 03/2007 - 07/2009: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
 - Từ tháng 07/2005 - 03/2007: Giám Đốc Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội

Ông ĐẶNG PHAN TƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị

- **Trình độ chuyên môn:** Tiến sỹ Kinh tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ 09/2020 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần GVI
 - Từ 05/2021 - Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung
 - Từ 09/2021 - Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX

Ông ĐỖ DUY HUNG

Thành viên Hội đồng quản trị

- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 11/2021- nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ tháng 09/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 04/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 12/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thiết bị đo điện EMIC
 - Từ năm 2013 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C

Ông NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 09/2020 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 09/2020 - 04/2021: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 04/2020 - nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 4/2022 - nay: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 10/2022 - nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện
 - Từ tháng 05/2022 - 10/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
 - Từ tháng 10/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC
 - Từ tháng 10/2018 - 31/12/2022: Tổng Giám đốc Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC
 - Từ tháng 08/2016 - 03/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
 - Từ tháng 08/2011 - 08/2016: Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty TNHH Gelex CAMBODIA

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Thông tin Ban lãnh đạo

Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 09/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 09/2020 – 04/2021: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 04/2020 – nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 4/2022 – nay: Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 10/2022 – nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện
 - Từ tháng 05/2022 – 10/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
 - Từ tháng 10/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC
 - Từ tháng 10/2018 – 31/12/2022: Tổng Giám đốc Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC
 - Từ tháng 08/2016 – 03/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
 - Từ tháng 08/2011 – 08/2016: Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty TNHH Gelex CAMBODIA

Bà NGUYỄN THỊ ANH

Kế toán trưởng

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kiểm toán
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 11/2021 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 4/2022 – nay: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Thiết bị điện
 - Từ tháng 04/2021 – 9/4/2022: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 10/2020 – 10/2021: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex
 - Từ tháng 01/2020 – 11/2021: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
 - Từ tháng 12/2019 – 4/2022: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC
 - Từ tháng 08/2017 – 3/2022: Trưởng Bộ phận Quản trị Tài chính/Phó Giám đốc Ban Kế toán/Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex
 - Từ tháng 05/2017 – 07/2017: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường An
 - Từ tháng 06/2011 – 04/2017: Kiểm toán viên/ Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ông PHẠM TUẤN ANH

Phó Tổng Giám đốc

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài Chính
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 11/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 12/2021 – nay: Người được ủy quyền Công bố thông tin Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ tháng 12/2022 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh
 - Từ tháng 1/2022 – nay: Chủ tịch Công ty TNHH Phát điện Gelex
 - Từ tháng 1/2022 – nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận
 - Từ tháng 3/2022 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Dây đồng Việt Nam CFT
 - Từ tháng 4/2022 – 9/2022: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà
 - Từ tháng 01/2020 – 04/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 10/2018 – 11/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex
 - Từ tháng 09/2016 – 03/2021: Người được ủy quyền Công bố thông tin Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 03/2016 – 03/2021: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 03/2016 – 04/2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
 - Từ tháng 02/2012 – 02/2016: Giám Đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ tháng 11/2011 – 01/2012: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
 - Từ tháng 09/2010 – 10/2011: Phó phòng TCKT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
 - Từ năm 2009 – 05/2022: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương
 - Từ tháng 04/2005 – 08/2010: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Thông tin Ban lãnh đạo

Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ HUYỀN

Trưởng Ban kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Đại học chuyên ngành Kế toán
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 11/2021 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Gelex
 - Từ năm 2020 - nay: Phó Kế toán trưởng Công ty Cổ phần GVI
 - Từ năm 2011 - 2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần than hoạt tính Toàn Cầu
 - Từ năm 2004 - 2010: Trưởng ban Tài chính - Trung tâm đường trục Công ty Cổ phần bưu chính Viettel
 - Từ năm 1994 - 2003: Kế toán trưởng, Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Dương Nhật Đầu tư.

Bà TIÊU THỊ DUNG

Thành viên Ban kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kế toán
- **Kinh nghiệm:**
 - Tháng 9/2013 - 6/2016: Phòng Kiểm toán, Công ty TNHH Crowe Việt Nam
 - Tháng 8/2016 - 4/2018: Chuyên viên Tài chính, Công ty Cổ phần nghe nhìn toàn cầu
 - Tháng 4/2018 - 10/2019: Chuyên viên chính tài chính, Công ty Cổ phần tập đoàn FLC
 - Chuyên viên Quản lý tài chính, Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt
 - Tháng 11/2019- nay: Chuyên viên Tài chính, Công ty Cổ phần tập đoàn GELEX
 - Từ tháng 11/2021 - nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Điện lực Gelex

Ông NGUYỄN HOÀNG VIỆT

Thành viên Ban kiểm soát

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân thương mại quốc tế
- **Kinh nghiệm:**
 - Từ tháng 09/2011 - 11/2014: Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG
 - Từ tháng 12/2014 - 05/2016: Kiểm soát tài chính - Công ty TNHH CN & TB Máy CTC
 - Từ tháng 06/2016 - 05/2021: Chuyên viên KTNB - Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco
 - Từ tháng 05/2021 - Nay: Chuyên viên KTNB - Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
 - Từ tháng 11/2021 - Nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
 - Từ tháng 4/2022 - Nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Dây đồng Việt Nam CFT

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Danh sách các Công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ sở hữu của GELEX ELECTRIC

Bảng 1. Danh sách các công ty con trực tiếp do GELEX Electric trực tiếp sở hữu

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (“CADIVI”)	Số 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	96,35%	576.000.000.000
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện	76,70%	387.046.500.000
3.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“THIBIDI”)	Lô P, Đường N3-1, Khu công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	90,71%	488.000.000.000
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC (“EMIC”)	Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện	74,99%	150.000.000.000
5.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”)	Đường D3-3, Khu công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc	100%	318.400.000.000
6.	Công ty TNHH Phát điện Gelex	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt Nam	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	885.000.000.000
7.	Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị	Số 03, Nguyễn Viết Xuân, Thị Trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.	Sản xuất điện gió	100%	1.269.000.000.000
8.	Công ty Cổ phần Mua bán điện Gelex	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt Nam	Mua bán và phân phối điện	51%	10.000.000.000
9.	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh (“DONG ANH MEE”)	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp	51%	120.000.000.000

Bảng 2. Danh sách các công ty con gián tiếp do GELEX Electric sở hữu thông qua các công ty con trực tiếp

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
CADIVI						
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai (“Cadivi Đồng Nai”)	Đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	100%	100%	789.000.000.000
HEM						
1	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội (“HECO”)	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TPHCM	Sản xuất kinh doanh sản phẩm ngành điện	100%	100%	13.000.000.000
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power (“G-Power”)	Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Sản xuất máy biến áp, tủ bảng điện	100%	100%	40.000.000.000

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Bảng 2. Danh sách các công ty con gián tiếp do GELEX Electric sở hữu thông qua các công ty con trực tiếp

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
Công ty TNHH Phát điện Gelex						
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Tổ 9, Thôn Thạnh Mỹ 2, Thị Trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất thủy điện và phát điện	73,16%	73,16%	618.140.000.000
2	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất và phân phối điện mặt trời	100%	100%	368.000.000.000
3	Công ty TNHH Năng lượng Điện Mái nhà	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất điện mặt trời	100%	100%	28.500.000.000
4	Công ty TNHH Điện Mặt trời Mái Nhà	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất điện mặt trời	100%	100%	13.590.200.000
5	Công ty TNHH Điện Mặt trời Mái nhà Việt Nam	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất điện mặt trời	100%	100%	11.533.200.000
Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị						
1	Công ty TNHH MTV Mirai, Quảng Trị	Thôn Xa Bai, Xã Hướng Linh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	Sản xuất điện gió	100%	100%	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán điện Gelex						
1	Công ty Cổ phần Mua bán điện Gelex Hưng yên	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt Nam	Mua bán, phân phối điện	51%	51%	6.000.000.000

Bảng 3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ Công ty liên kết (đồng)
Công ty TNHH Phát điện Gelex						
1	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	44B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	35%	26,94%	524.992.800.000
2	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh Công ty Cổ phần	Số 189 đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp	24,95%	24,95%	324.863.920.000

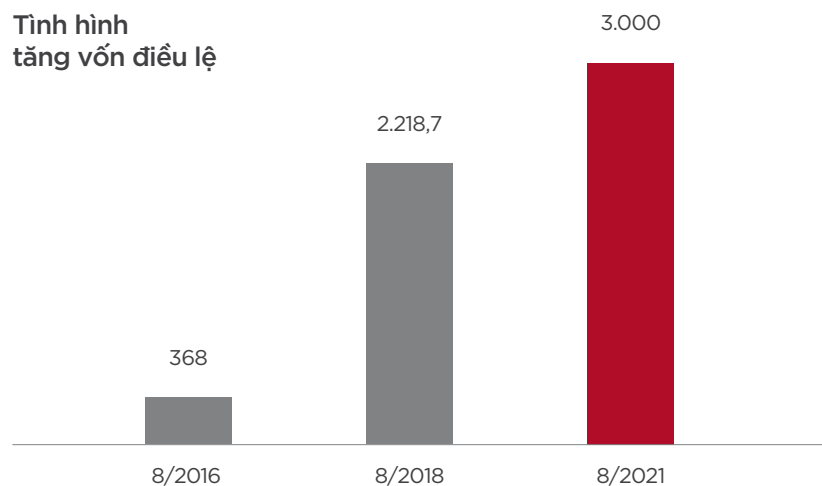
Cổ phần và cơ cấu cổ đông

Cổ phần

Thông tin về cổ phần của GELEX ELECTRIC như sau:

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 300.000.000 cổ phần
- Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 275.995.600 cổ phần
- Khối lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 24.004.400 cổ phần
- Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 VNĐ/cổ phần

Quá trình tăng vốn điều lệ của GELEX ELECTRIC



Quá trình tăng vốn điều lệ của GELEX ELECTRIC

Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Số vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Tháng 8/2016	0	368.000	368.000	Góp vốn thành lập	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2016. Nghị quyết HĐQT của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 28/NQ-HĐQT ngày 16/8/2016
Tháng 8/2018	368.000	2.218.700	1.850.700	Chủ sở hữu góp tăng vốn điều lệ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 01/08/2018. Nghị quyết HĐQT số 05/2018/GE/NQ-HĐTV ngày 23/05/2018 Công văn số 3672/UBCK-PTTT ngày 11/06/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công văn số 10683/VSD-ĐK, 10684/VSD-ĐK và 10686/VSD-ĐK ngày 13/07/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
Tháng 8/2021	2.218.700	3.000.000	781.300	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ của Gelex Electric ngày 14/08/2021 về phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Nghị quyết HĐQT số 49/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 16/08/2021 của Gelex Electric thông qua kế hoạch triển khai phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Nghị quyết HĐQT số 50/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 20/08/2021 của Gelex Electric thông qua phương án phân phối số cổ phiếu lẻ và cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu không mua hết. Nghị quyết HĐQT số 51/2021/GE-NQ HĐQT ngày 24/08/2021 của Gelex Electric thông qua phương án phân phối tiếp số 36.000.000 cổ phần do cổ đông hiện hữu không mua hết cho các nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chiến lược. Nghị quyết HĐQT số 55/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 31/8/2021 thông qua kết quả chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ theo Phương án chào bán được thông qua tại NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2021. Nghị quyết HĐQT số 50-1/2021 ngày 23/08/2021 thông qua phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/7/2021 thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp theo kế hoạch tái cấu trúc-sắp xếp lại sở hữu vốn trong mảng sản xuất điện giữa các công ty trong cùng Tập Đoàn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 22/09/2021

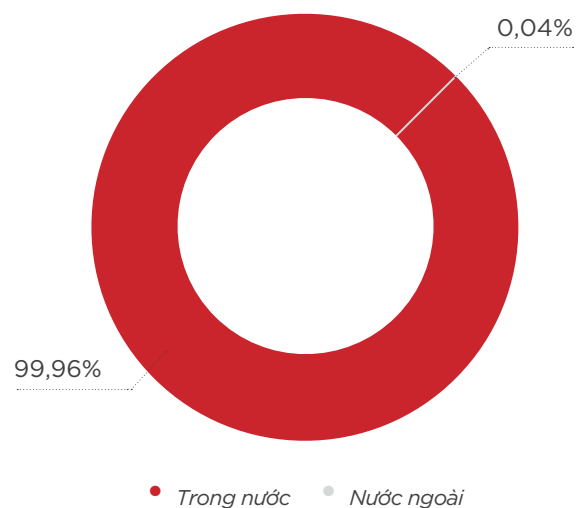


Cổ phần và cơ cấu cổ đông

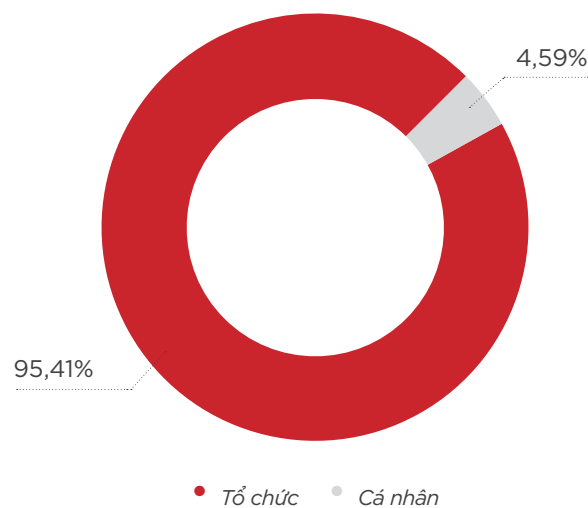
Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 11/10/2022, cơ cấu cổ đông của GELEX ELECTRIC như sau:

Cổ đông trong nước/ nước ngoài



Cổ đông tổ chức/ cá nhân



STT	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	818	299.883.800	99,96%
1.1	Nhà nước			
1.2	Tổ chức	15	286.227.100	95,41%
1.3	Cá nhân	803	13.656.700	4,55%
2	Nước ngoài	3	116.200	0,04%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ			
2.2	Cá nhân	3	116.200	0,04%
	Tổng cộng	821	300.000.000	
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	2	256.495.600	85,50%
2	Cổ đông khác	819	43.504.400	14,50%
	Tổng cộng	821	300.000.000	

Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế



a. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Kết thúc năm 2022, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,02% so với năm 2021 - mức tăng cao nhất so với cùng kỳ trong giai đoạn 2011-2022. Mặc dù vậy, tăng trưởng ở các khu vực đầu tư công, cơ sở hạ tầng và xây dựng, bất động sản - những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm thiết bị điện và phát điện của GELEX Electric - lại chưa thực sự tích cực. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 12 tháng năm 2022 đạt 67,27% kế hoạch, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (77,30%). Giải ngân đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình phục hồi 2022-2023 vẫn còn chậm.

Nguyên nhân của thực trạng trên do giá nguyên vật liệu xây dựng chủ chốt tăng mạnh (thép, xi măng,..) khiến công tác giải ngân đầu tư công bị đình trệ. Chi phí vốn tăng cao, dòng tiền bao gồm nguồn tín dụng từ Ngân hàng thương mại và nguồn vốn trái phiếu vào bất động sản sụt giảm mạnh cũng khiến đóng góp của ngành xây dựng và bất động sản trong GDP giảm.

b. Rủi ro về lạm phát

Năm 2022, lạm phát chỉ tăng 3,2% so với cùng kỳ nhờ việc Chính phủ điều tiết thị trường, không tăng phí nhiều loại dịch vụ, đặc biệt là điện, học phí và dịch vụ y tế (chiếm tỷ trọng lần lượt là 33,6%, 5,4% và 6,2% trong rổ hàng hóa CPI). Tuy nhiên, áp lực lạm phát tăng trong năm 2023 rất hiện hữu. Dự báo CPI bình quân năm 2023 sẽ ở mức 4-4,5% do có độ trễ vì nhập khẩu nhiều, lượng cung tiền lớn hơn theo thời vụ cuối năm 2022.

c. Rủi ro về lãi suất và tỷ giá

Đến hết tháng 11/2022, NHNN đã phải tăng lãi suất 2 đợt (1%/đợt) để ổn định tỷ giá, trong khi các công cụ khác gần như đã sử dụng hết dư địa. Với khả năng FED tiếp tục tăng lãi suất 50 điểm % trong tháng 12/2022 và quý 1/2023, áp lực lãi suất và tỷ giá tăng còn khá lớn.

Các hoạt động kinh doanh của GELEX Electric hầu hết sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu, do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động của tỷ giá, lạm phát cũng như lãi suất nếu những yếu tố này tiếp tục tăng cao. GELEX Electric sẽ thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để đưa ra những chính sách kinh doanh phù hợp, thích ứng kịp thời đảm bảo hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực của các rủi ro kinh tế.

Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của GELEX Electric chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan; các Luật chuyên ngành như Luật điện lực, Luật đầu tư, Luật Xây dựng, các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan.

Năm 2022, Nghị định 65/2022/ND-CP về chào bán trái phiếu, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và quốc tế với điểm chính bỏ mục đích phát hành trái phiếu để tăng quy mô hoạt động đã phần nào siết dòng tiền huy động của các doanh nghiệp từ kênh trái phiếu.

Công ty luôn cập nhật sát sao với những thay đổi mới nhất trong hệ thống văn bản pháp luật để luôn luôn đảm bảo tính tuân thủ cao nhất.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro nêu trên, GELEX Electric còn chịu ảnh hưởng một số rủi ro chính trị, rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bạo lực...

Năm 2023, dự báo tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều yếu tố rủi ro bất định. Xung đột tại Ukraine chưa có hồi kết ảnh hưởng đến giá xăng dầu, chi phí vận tải, logistics, chuỗi cung ứng; nguy cơ mất ổn định an ninh năng lượng, lương thực...

Công ty tiếp tục chủ động theo dõi các biến động cũng như phòng ngừa để hạn chế thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra.



CHƯƠNG 2

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- 42 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 43 Tình hình tổ chức và nhân sự
- 44 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
- 46 Tình hình tài chính
- 46 Đánh giá của TGD về tình hình tài sản và tình hình nợ phải trả
- 50 Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu
- 50 Giao dịch cổ phiếu quỹ
- 50 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 51 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 53 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 53 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Chỉ tiêu hợp nhất (tỷ đồng)	Năm 2021	Kế hoạch	TH 2021	
			Thực hiện	Tăng trưởng so với 2021
Doanh thu thuần	18.714	19.110	16.665	-10,95%
Lợi nhuận trước thuế	818	2.000	1.120	36,92%

Năm 2022, GELEX Electric ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất giảm 10,95% so với năm 2021, đạt 87,2% so với kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 1.120 tỷ đồng, tăng 36,92% so với năm 2021, đạt 56% kế hoạch.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2022 của GELEX Electric giảm do sự sụt giảm nhu cầu thị trường: khách hàng điện lực truyền thống cắt giảm mua sắm, các dự án phát triển bất động sản đóng băng do biến động kinh tế vĩ mô,... và ảnh hưởng một phần từ việc di dời nhà máy của một số công ty thành viên như THIBIDI, CFT trong 6 tháng đầu năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế năm 2022 tăng 300 tỷ đồng so với 2021 chủ yếu đến từ lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính dài hạn và cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư này. Tuy nhiên, các yếu tố về tăng chi phí lãi vay, phí và lỗ từ nghiệp vụ LME-hedging và lỗ chênh lệch tỉ giá đã phần nào ảnh hưởng việc đạt kế hoạch 2022.

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh của nhóm ngành như bảng dưới đây:

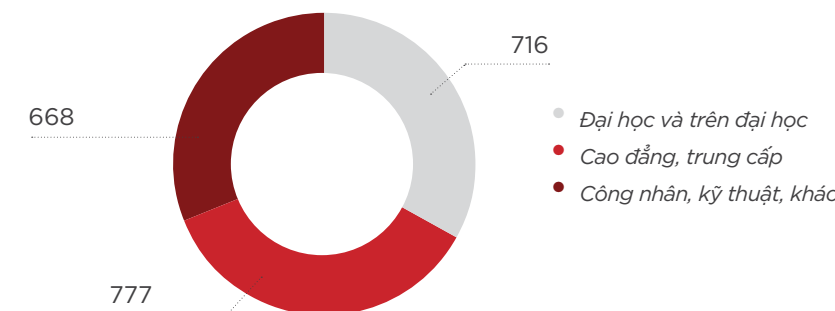
Chỉ tiêu hợp nhất (tỷ đồng)	TH 2022		TH 2021	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
DOANH THU THUẦN	16.664.673	100,0%	18.714.206	100%
Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	15.854.034	95,1%	18.329.199	97,9%
Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	783.667	4,7%	127.508	0,7%
Khác	26.971	0,2%	257.499	1,4%
LỢI NHUẬN GỘP	2.113.991	100,0%	1.830.122	100%
Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	1.743.411	82,5%	1.720.874	94,0%
Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	352.384	16,7%	72.891	4,0%
Khác	18.196	0,9%	36.357	2,0%

• Nhóm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện năm 2022 mặc dù có sự sụt giảm về Doanh thu tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu đã có sự thay đổi tích cực tăng từ 9,4% (năm 2021) lên 11% (năm 2022) do Nhóm công ty kiểm soát tốt chi phí trong sản xuất và thường xuyên cải tiến công nghệ nhằm tối ưu vật tư tiêu hao.

• Nhóm sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện) đạt giá trị sản lượng năm 2022 là 459.863.463 kwh, cùng với việc được hợp nhất kết quả kinh doanh cả năm so với 2021 (quý 4) đã nâng tỷ trọng cơ cấu doanh thu của nhóm ngành này từ 0,7% (năm 2021) lên 4,7% trong năm 2022.

Tình hình tổ chức và nhân sự

Tại ngày 31/12/2022, hệ thống GELEX Electric có 2.161 CBNV (bao gồm lao động tại các công ty thành viên) như sau:



Các chính sách nhân sự trong năm 2022

Chính sách đào tạo

- Hàng năm, cán bộ, nhân viên công ty thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do các chuyên gia về các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, tài chính, kinh doanh...trực tiếp giảng dạy.
- Công ty thường xuyên tự đào tạo cán bộ, nhân viên của mình nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cá nhân, nhằm hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Các cán bộ nhân viên trong Công ty thường xuyên tự học hỏi và trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn thông qua internet, sách báo...

Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty luôn có chính sách và chế độ đãi ngộ khuyến khích cho người lao động, thúc đẩy người lao động hăng hái làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty;
- Khen thưởng, động viên CBNV vào các ngày Lễ, Tết theo đúng quy định;
- Lương tháng tháng 13 được chi cho CBNV hàng năm từ tiền lương kết dư của năm;
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm, y tế, kinh phí công đoàn, công ty trích và đóng theo quy định;
- Chế độ ốm, đau, thai sản, hiếu, hỷ...công ty thực hiện theo quy chế của công ty và thỏa ước lao động tập thể.



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Các khoản đầu tư lớn

a. Đầu tư tài chính tại Công ty mẹ

Trong năm 2022, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết của Gelex Electric có sự thay đổi theo xu hướng gia tăng tỷ lệ đầu tư vào các công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi và hạ tỷ trọng đầu tư tại Gelex Hạ tầng, cụ thể như sau:

- Hoàn tất thủ tục mua 4.800.000 cổ phiếu THI (“Công ty Cổ phần Thiết bị Điện”) để nâng tỷ lệ sở hữu lên 90,71% với số tiền 139,4 tỷ đồng.
- Trực tiếp sở hữu chi phối Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh thông qua việc mua lại 6.120.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị điện – công ty con của Công ty với số tiền 286,6 tỷ đồng.
- Góp vốn thành lập với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ Công ty CP Mua bán điện GELEX tương đương giá trị vốn góp 5,1 tỷ đồng.
- Hoàn tất thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty này từ 22,42% xuống 14,06%.

b. Đầu tư xây dựng tại Công ty thành viên

Đối với nhóm ngành sản xuất thiết bị điện ngoài việc tiếp tục duy trì đầu tư nâng cấp, cải tiến thiết bị và dây chuyền sản xuất trong năm 2022, Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) và Công ty dây đồng Việt Nam CFT đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy mới để thực hiện dự án di dời nhà máy cũ từ Khu công nghiệp Biên Hòa 1 về Khu công nghiệp Long Đức thuộc tỉnh Đồng Nai.

Đối với nhóm ngành sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện), Công ty cổ phần Mua bán điện Gelex bước đầu hoàn thành việc triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 1 của Dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng lưới điện, cung cấp, khai thác, sử dụng và quản lý vận hành hệ thống điện trung thế trong KCN Tiến Hải, tỉnh Thái Bình. Các Dự án còn lại tại các KCN Yên Mỹ (tỉnh Hưng Yên), KCN Thuận Thành I (tỉnh Bắc Ninh), KCN Hải Yên (tỉnh Quảng Ninh), KCN Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế)... đang được Công ty đẩy nhanh việc hoàn thiện thủ tục đầu tư và sẽ được triển khai đầu tư xây dựng trong năm 2023.



Các công ty con, công ty liên kết

Hiện tại, Gelex Electric có 09 công ty con trực tiếp và 02 công ty liên kết sở hữu gián tiếp qua các công ty con. Tình hình hoạt động các công ty con trong năm 2022 cụ thể như sau:

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh chính	KQKD 2022 (triệu đồng)		Tổng TS tại 31/12/2022 (triệu đồng)
		DTT	LNTT	
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	11.333.927	482.311	4.709.948
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện	521.284	46.684	885.444
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”)	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc	2.815.340	19	1.648.794
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện	1.561.108	47.005	2.270.423
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC (“Emic”)	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện	1.008.708	152.370	672.898
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh (“MEE”)	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp	564.897	2.125	576.904
Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”)	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện	-	44.951	889.737
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận (“Gelex Ninh Thuận”)	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời	218.718	39.195	1.142.067
Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ (“Phú Thạnh Mỹ”)	Sản xuất thủy điện	330.926	137.741	1.374.511
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”)	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió	268.492	(117.347)	3.144.038
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Truyền tải và phân phối điện	-	(689)	13.130

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính và các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2022	Năm 2021	% 2022/2021	Năm 2022	Năm 2021	% 2022/2021
I. Tình hình tài chính							
Tổng giá trị tài sản	triệu đồng	7.613.908	8.527.162	89%	17.419.623	23.123.789	75%
Doanh thu thuần	triệu đồng	2.586.834	2.878.599	90%	16.664.673	18.714.206	89%
Lợi nhuận từ HĐKD	triệu đồng	912.547	376.540	242%	1.088.664	760.768	143%
Lợi nhuận khác	triệu đồng	-	(69)	0%	31.691	57.237	55%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	912.547	376.471	242%	1.120.354	818.006	137%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	912.547	376.471	242%	971.605	654.789	148%
Cổ tức chi trả	%	16,0%	20,0%	80%			
II. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu							
1. Khả năng thanh toán							
• Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,3	1,9	117%	1,5	1,3	113%
• Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,5	0,5	85%	1,3	1,1	111%
2. Cơ cấu vốn							
• Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,4	0,5	85%	0,7	0,7	88%
• Hệ số nợ/ VCSH	lần	0,8	1,1	74%	1,9	2,9	66%
3. Năng lực hoạt động							
• Vòng quay hàng tồn kho	vòng				2,6	3,4	76%
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	0,3	0,4	84%	0,8	1,0	82%
4. Khả năng sinh lời							
• Tỷ suất sinh lời trước thuế/Doanh thu	%	35,3%	13,1%	270%	6,7%	4,4%	154%
• Tỷ suất sinh lời/Tổng tài sản (ROA)	%	11,3%	5,0%	228%	4,8%	4,4%	110%
• Tỷ suất sinh lời/VCSH (ROE)	%	21,7%	9,1%	239%	16,2%	13,6%	119%
• Tỷ suất sinh lời sau thuế/Doanh thu thuần	%	35,3%	13,1%	270%	5,8%	3,5%	167%
• Tỷ suất LN hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	35,3%	13,1%	270%	6,5%	4,1%	161%

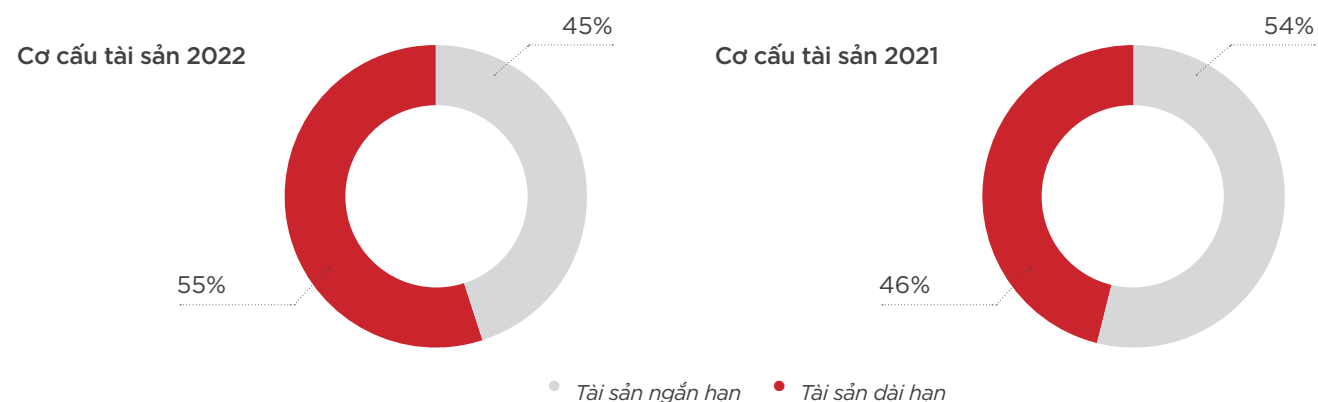


Tình hình tài chính

Đánh giá của TGD về tình hình tài sản và tình hình nợ phải trả

Tình hình tài sản

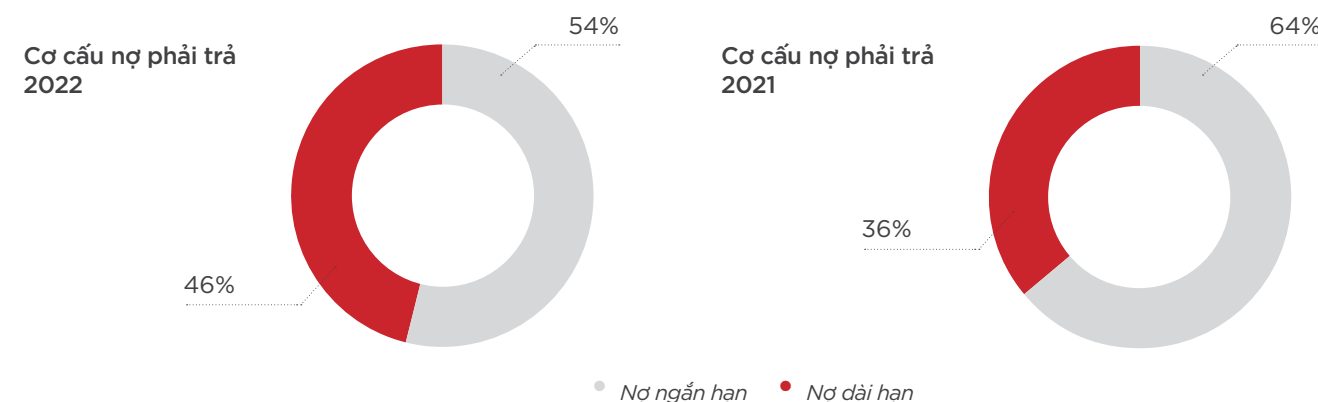
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tăng/giảm (%)	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	7.767.527	12.445.884	-37,6%	45%	54%
Tài sản dài hạn	9.652.096	10.677.905	-9,6%	55%	46%
Tổng tài sản	17.419.623	23.123.789	-24,7%	100%	100%



Tổng tài sản hợp nhất thời điểm 31/12/2022 đạt 17.419.623 triệu đồng, giảm 24,7% so với tổng tài sản thời điểm đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn có xu hướng giảm tỷ trọng so với năm 2022, chiếm 45% trong tổng tài sản. Trong năm, tài sản ngắn hạn giảm 37,6% chủ yếu đến từ việc giảm mạnh hàng tồn kho và phải thu khách hàng do Nhóm công ty giải phóng lượng hàng sau khoảng thời gian giãn cách dịch bệnh Covid năm 2021, đưa ra các chính sách mua nguyên vật liệu linh hoạt; đẩy mạnh công tác thu nợ và điều chỉnh chính sách bán hàng trả chậm. Tài sản dài hạn của Nhóm công ty giảm 9,6% phần lớn do việc thoái một phần vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex và khấu hao tài sản cố định, thanh lý nhượng bán máy móc, dụng cụ hết giá trị sử dụng tại các nhà máy sản xuất.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Tăng/giảm (%)	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	6.165.115	10.923.217	-43,6%	54%	64%
Nợ dài hạn	5.251.065	6.213.179	-15,5%	46%	36%
Tổng nợ phải trả	11.416.180	17.136.396	-33,4%	100%	100%



Tại thời điểm cuối năm 2022, tổng nợ phải trả hợp nhất giảm mạnh 5.720.216 triệu đồng tương đương mức giảm 33,4%, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 54% trên tổng nợ phải trả và giảm 43,6% so với đầu năm, nợ dài hạn chiếm 46% và cũng giảm 15,5%. Do ảnh hưởng của lãi suất và tỷ giá ngoại tệ tăng mạnh, Nhóm Công ty đã chủ động hạ tỷ trọng các khoản nợ có lãi thông qua việc giảm 1.752 tỷ nợ phải trả nhà cung cấp, 1.864 tỷ nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng, mua lại trước hạn phần lớn các khoản trái phiếu đã phát hành. Việc tắt toán các khoản nợ vay, trái phiếu và phải trả nhà cung cấp giúp Nhóm Công ty giảm rủi ro và áp lực từ biến động tiêu cực của các yếu tố vĩ mô nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động từ nguồn lực tự có.

Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu

Trong năm 2022, GELEX Electric không thay đổi vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

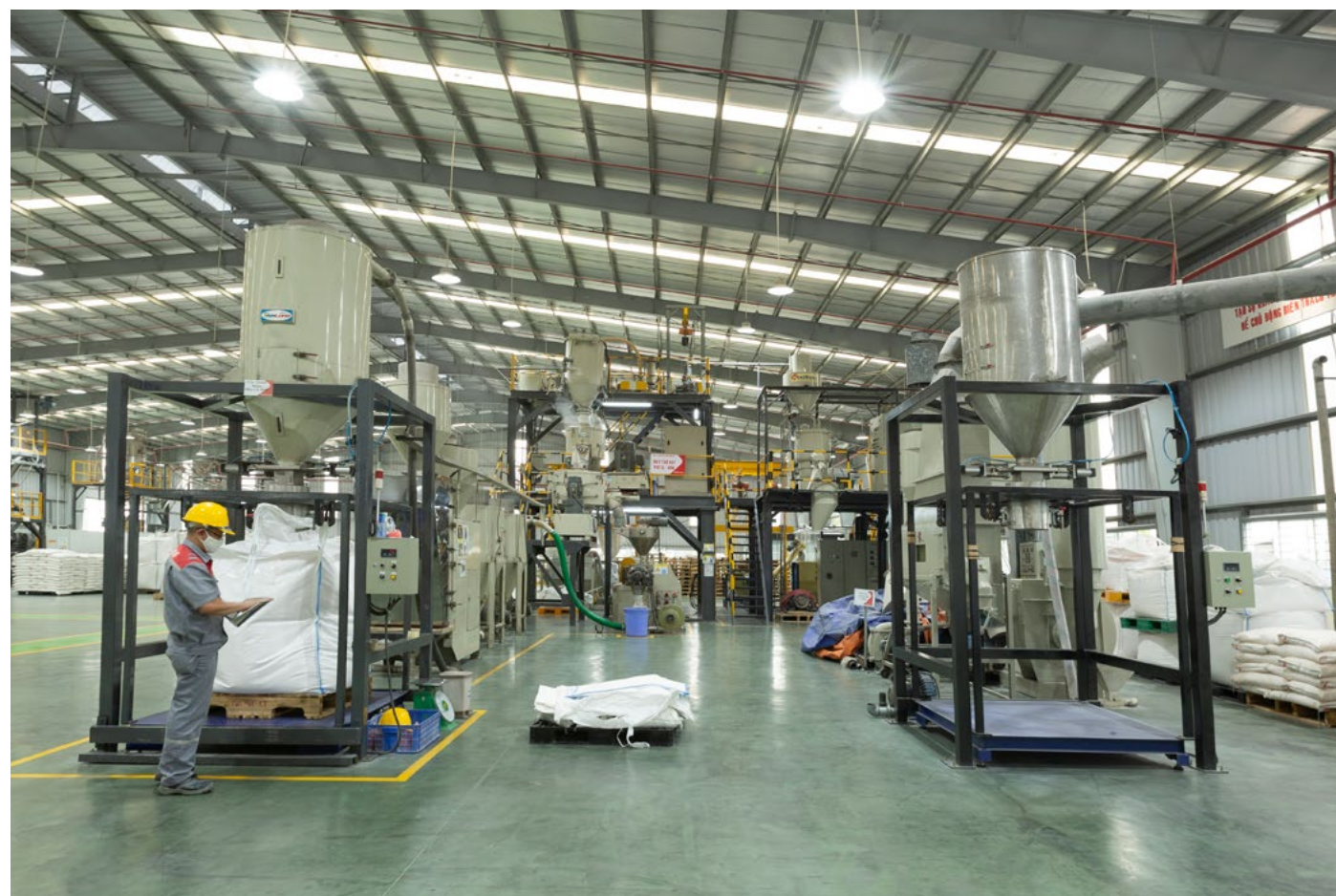
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

• Với mô hình công ty holdings – giữ vai trò kiểm soát đầu tư, sở hữu vốn của các công ty thành viên. Gelex Electric tiếp tục thực hiện theo cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, đồng thời duy trì hoạt động của 04 Ban chuyên môn: Ban Tổng hợp, Ban Tài chính kế toán, Ban kinh doanh, Ban Kế hoạch kỹ thuật giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hỗ trợ trực tiếp công ty thành viên trong các lĩnh vực chính:

- Pháp chế - trong công tác tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ của công ty và toàn hệ thống Gelex;
- Tài chính - kế toán – trong công tác rà soát, hỗ trợ hoạt động tài chính của công ty thành viên.

• Về các chính sách và quản lý: Trong năm 2022, Công ty đã đẩy mạnh triển khai, hoàn thiện quy trình, quy chế của Công ty và hỗ trợ rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy chế cho các công ty thành viên.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch đặt ra trong năm 2023 đối với Công ty như sau

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	KH 2023	% KH 2023 / TH 2022
Doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đồng	16.664.672	19.421.598	16,5%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đồng	1.120.354	928.482	-17,1%

Để đạt được kế hoạch đề ra, Ban Tổng Giám đốc định hướng hành động:

Về công tác kinh doanh

- Tiếp tục giữ vững các thị trường truyền thống trong ngành sản xuất thiết bị điện bao gồm dây cáp điện, máy biến áp truyền tải và phân phối, động cơ điện, thiết bị đo điện...
- Đẩy mạnh việc mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Một số thị trường xuất khẩu tiềm năng mở rộng: Máy biến áp THIBIDI tại thị trường Lào, Phillipines, Myanmar...; Máy biến áp 110kV – 220kV tại thị trường Lào, Campuchia; Các sản phẩm CADIVI tại thị trường Úc, Mỹ, Phillipines; Thiết bị đo điện EMIC tại các quốc gia khu vực Đông Nam Á ...
- Thực hiện các công tác bán chéo sản phẩm, tận dụng thế mạnh đa dạng ngành nghề của hệ thống như kinh doanh mua bán điện tại các khu công nghiệp...
- Nâng cao chất lượng trong công tác bán hàng từ tối ưu hóa dịch vụ vận chuyển tới người tiêu dùng về thời gian và chi phí, dịch vụ sau bán, bảo hành...

Về công tác phát triển sản phẩm

- Thực hiện hoàn thiện các sản phẩm theo hướng nâng cao năng lực sản xuất: EMIC triển khai sản xuất quy mô công nghiệp đối với công tơ nước, công tơ AMI; HEM hoàn thành và thử nghiệm 3 dòng sản phẩm động cơ IE3, động cơ phòng nổ ExdII, động cơ bơm chìm; MEE cải tiến thiết kế phần tản nhiệt, phần ruột máy biến áp cho 2 gam máy 63MVA và 40MVA; THIBIDI áp dụng công nghệ quấn dây, gia công lõi Tole cuốn, cải tiến dòng sản phẩm máy biến áp Silic và Amorphous....
- Tiếp tục hoàn thành phát triển sản phẩm mới bao gồm: tủ điện; máy biến áp khô tại THIBIDI...
- Tìm kiếm cơ hội chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới hướng tới cung cấp đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện.

Về công tác quản trị

- Khai thác vận hành đảm bảo an toàn tin cậy và nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả phát điện của các dự án điện gió, điện mặt trời hiện có tại các Công ty Phát điện Gelex, Gelex 1,2,3 Quảng Trị. Trong đó kết hợp giữa giải pháp tối ưu hóa công tác bảo dưỡng thiết bị với bổ sung các thiết bị công nghệ giám sát, dự báo chính xác các tình huống vận hành nhằm nâng cao sản lượng phát điện.
- Tăng cường hoạt động giám sát của tập đoàn trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên, kịp thời nhận diện và hỗ trợ giải pháp mục tiêu đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Hướng tới xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm, ứng dụng để đưa ra các thông tin quản trị tức thời.

Về công tác tài chính

- Nâng tỷ lệ sở hữu của THIBIDI tại Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh nhằm tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm máy biến áp
- Thực hiện các hoạt động chuyển nhượng vốn góp/ thoái vốn tại các dự án nhằm nâng cao chỉ số tài chính, đảm bảo tài chính lành mạnh cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.



Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán với Báo cáo tài chính năm 2022 của GELEX Electric là ý kiến chấp thuận toàn phần.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Đối với khối sản xuất thiết bị điện, đây là lĩnh vực truyền thống của Công ty, các chỉ tiêu môi trường đều được tôn trọng từ khâu nhập vật tư đầu vào, đầu tư thiết bị dây chuyền sản xuất đảm bảo tiên tiến kỹ thuật cao đến quá trình sản xuất và môi trường sản xuất đều tuân thủ cao việc đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật về môi trường.

Đối với khối phát điện, đây là lĩnh vực đầu tư mới. Công ty hiện nay chỉ tập trung phát triển mảng năng lượng tái tạo và thủy điện; vì vậy, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật về môi trường là ưu tiên hàng đầu của Công ty.

Liên quan đến người lao động

Môi trường cho người lao động và chất lượng lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của GELEX Electric và các Công ty thành viên để đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất. Các Công ty thành viên thường xuyên tổ chức huấn luyện an toàn, quy trình sản xuất lao động cho người lao động trực tiếp sản xuất, đảm bảo chính sách trang bị bảo hộ lao động, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất.

Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng.

Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động, kể cả khâu đảm bảo môi trường lao động công nghiệp, sạch đẹp, ngăn nắp, văn minh.

Liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Với vai trò là một doanh nghiệp không chỉ phát triển kinh tế, mà còn quan tâm đến sự phát triển cộng đồng, thực hiện trách nhiệm với xã hội. GELEX Electric và các Công ty thành viên luôn hướng đến các hoạt động trách nhiệm xã hội thiết thực, tạo giá trị cho cộng đồng như hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, tài trợ thư viện, trang thiết bị cho các trường học vùng sâu vùng xa, ... với mong muốn góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

Công ty luôn coi trọng đảm bảo môi trường tại cộng đồng, cùng gánh vác với cộng đồng địa phương về cải tạo môi trường sống.

CHƯƠNG 3

Báo cáo của hội đồng quản trị

- 56 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Gelex Electric năm 2022
- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 59 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của GELEX Electric năm 2022

Đánh giá ngắn gọn về tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tình bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Ngành thiết bị điện nói chung và các doanh nghiệp trong hệ thống GELEX Electric phải chịu áp lực sự biến động thất thường của giá nguyên vật liệu chính, tỷ giá và lãi suất tăng cao và sự sụt giảm mạnh về nhu cầu thị trường các tháng cuối năm.

Do vậy, năm 2022, Công ty định hướng tập trung trọng tâm vào sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác quản trị rủi ro, tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực tại các Công ty thành viên. Kết quả, năm 2022, Công ty đạt 16.664 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, giảm 10,95% so với 2021, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.120 tỷ đồng, tăng trưởng 36,92% so với 2021, hoàn thành lần lượt 87,2% và 55,95% so với kế hoạch Đại hội phê duyệt. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ lần lượt đạt 2.587 tỷ đồng, giảm 8,84% và 913 tỷ đồng tăng 142% so với 2021.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 với 5 thành viên, trong đó, từng thành viên HĐQT được giao các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực. HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên bám sát nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên trao đổi và hỗ trợ TGD & Ban điều hành, Người đại diện vốn trong lĩnh vực được giao phụ trách.

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức thành công kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 và xin ý kiến ĐHĐCĐ bất thường bằng văn bản thông qua nhiều nội dung chiến lược quan trọng, đồng thời, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty, cho ý kiến với Người đại diện tại các Công ty thành viên ("CTTV") trong điều hành SXKD tại đơn vị. Kết quả cụ thể các mảng hoạt động như sau:

Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD):

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, HĐQT Công ty đã chủ động định hướng hoạt động của Ban điều hành và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty thành viên, với những biện pháp cụ thể như:

- Rà soát, ban hành quy chế Người đại diện Công ty tại các Công ty thành viên, xác định cụ thể các nội dung Người đại diện báo cáo/cần xin ý kiến Công ty mẹ trước khi quyết định tại CTTV, việc xin ý kiến chủ yếu tập trung vào các định hướng chiến lược SXKD, các nội dung liên quan về vốn, nhân sự quản lý cấp cao tại CTTV.
- Phân công các thành viên HĐQT chuyên trách phụ trách các CTTV nhằm mục tiêu kịp thời hỗ trợ người đại diện vốn tại các CTTV trong các quyết định SXKD.
- Tình hình vĩ mô năm 2022 có nhiều biến động, HĐQT Công ty đã chủ trương chỉ đạo người đại diện vốn kiểm soát tối ưu chi phí, giảm phải thu, giảm tồn kho, tập trung vào kinh doanh nhằm giữ vững thị phần, thị trường của doanh nghiệp.

Công tác đầu tư/tái cấu trúc sở hữu vốn

Năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện định hướng tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty thành viên thuộc lĩnh vực SXKD truyền thống, đồng thời, phát triển hoạt động kinh doanh mua bán điện trong các khu công nghiệp của hệ thống Tập đoàn GELEX, HĐQT đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương ứng với 51% vốn điều lệ Công ty CP Sản xuất thiết bị điện Đông Anh do Công ty CP Thiết bị điện sở hữu.
- Góp vốn thành lập với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ Công ty CP Mua bán điện GELEX, cho ý kiến về việc thành lập Công ty CP Mua bán điện GELEX Hưng Yên.

- Quyết định đầu tư dự án công trình văn phòng làm việc trụ sở Công ty, đầu tư dự án SAP ERP tại Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT.
- Quyết định thực hiện chào mua công khai nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam và Công ty CP Thiết bị điện.
- Theo tình hình thị trường năm 2022, HĐQT Công ty đã quyết định thoái phần vốn tương đương 8,353% Vốn điều lệ Công ty cổ phần hạ tầng GELEX do Công ty sở hữu.

Năm 2022, ĐHĐCĐ thường niên Công ty đã thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, do tình hình thị trường không thuận lợi cho việc triển khai chào bán, ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và quyền lợi của cổ đông. Do vậy, Công ty đã không thực hiện được phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong năm 2022. HĐQT cũng nhất trí dừng triển khai các công việc chuẩn bị hồ sơ để chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022. Việc chào bán cổ phiếu ra công chúng sẽ được HĐQT xem xét, trình ĐHĐCĐ quyết định vào thời điểm phù hợp, đảm bảo lợi ích của Công ty cũng như quyền lợi của cổ đông, tuân thủ quy định của pháp luật.

Công tác tài chính

Trước tình hình biến động tăng mạnh của lãi suất, tỷ giá, yếu tố thanh khoản trên thị trường tài chính năm 2022, HĐQT Công ty định hướng Công ty thành viên đảm bảo thanh khoản, giảm vay nợ nhằm tiết kiệm chi phí tài chính, thực hiện bảo hiểm giá nguyên vật liệu chính và tỷ giá, ..., đồng thời, phê duyệt phát hành các cam kết bảo lãnh của Công ty cho CTTV trong hoạt động huy động vốn phục vụ SXKD.

Phê duyệt giao dịch với bên có liên quan

Năm 2022, HĐQT đã phê chuẩn việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán vật tư, hợp đồng vay/cho vay, giao dịch đảm bảo với các bên liên quan của Công ty, chủ yếu các Công ty thành viên trong Tập đoàn GELEX, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty. Các điều khoản hợp đồng trên cơ sở công bằng, cạnh tranh và nghị quyết thông qua tuân thủ nguyên tắc minh bạch. Chi tiết các giao dịch được trình bày tại Báo cáo tài chính Công ty năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022.

Tổ chức bộ máy, nhân sự

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025 cũng đã có sự thay đổi về nhân sự, cụ thể, ĐHĐCĐ thường niên Công ty đã chấp thuận việc từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT Công ty của ông Lê Quang Định, bầu bổ sung ông Nguyễn Trọng Trung vào HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

Tại Công ty, HĐQT chỉ đạo tiếp tục rà soát, điều chỉnh, ban hành các văn bản quản trị Công ty như Hệ thống phân quyền của HĐQT, quy chế Người đại diện, quy chế chi tiêu nội bộ, ...

Đối với các Công ty thành viên, HĐQT rà soát, ban hành quyết định chấm dứt, cử, và thay thế đại diện phần vốn của Công ty tham gia HĐQT, HĐQT, Chủ tịch Công ty và các vị trí quản lý/điều hành khác tại CTTV.

Năm 2022, Công ty đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Điện lực GELEX nhằm phù hợp với định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty là đầu tư, phát triển các mảng ngành nghề thuộc lĩnh vực điện lực phù hợp với quy định của pháp luật.

Trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:

Hội đồng quản trị thống nhất với Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Ban Tổng giám đốc Công ty.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Điều hành sản xuất kinh doanh

Với vai trò là cơ quan đại diện cao nhất của Công ty, trong năm 2022, HĐQT Công ty luôn chủ động hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát Tổng giám đốc và Ban điều hành triển khai nhiệm vụ, đồng thời với hoạt động kiểm tra, giám sát theo qui định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Giám sát Tổng giám đốc và Ban điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành; trao đổi thẳng thắn với Tổng giám đốc và Ban điều hành về các việc đã đạt được và chưa được theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh.
- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát tham gia họp các cuộc họp HĐQT, cùng trao đổi các vấn đề của Công ty.
- Yêu cầu Người đại diện phần vốn của Công ty tại các CTTV báo cáo thường xuyên kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, tồn tại và các giải pháp, đề xuất để đưa ra chỉ đạo/định hướng kịp thời.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2022.

Phối hợp hoạt động

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Công ty. Định kỳ hàng tháng cùng họp trao đổi và kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

Kết quả đánh giá năm 2022, trong công tác điều hành hoạt động SXKD, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông để ra; Đã phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ của các thành viên Ban Tổng giám đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được phân công, chấp hành các quy định pháp luật và quy chế hoạt động của Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh

Để phát triển bền vững, HĐQT Công ty xác định định hướng phát triển chung như sau:

- Duy trì và đầu tư phát triển các thương hiệu thiết bị điện uy tín, đã có bề dày lịch sử: CADIVI, THIBIDI, EMIC, HEM, MEE, ...
- Sản xuất các sản phẩm truyền thống kết hợp với tăng cường nghiên cứu & phát triển/ hợp tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ cao.
- Định hướng tăng tỷ lệ sở hữu lên đến 100% tại CADIVI, THIBIDI theo các phương thức thực hiện phù hợp quy định của pháp luật.
- Tái cấu trúc sở hữu vốn tại các đơn vị mảng phát điện, tạo nguồn lực tài chính tiếp tục đầu tư vào các đơn vị /doanh nghiệp thuộc lĩnh vực SXKD truyền thống của Công ty.
- Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh mua bán điện trong các khu công nghiệp của hệ thống Tập đoàn GELEX.

Chiến lược hoạt động của Công ty năm 2023

Với vai trò là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty holdings, là đầu mối định hướng, hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống ELECTRIC về chiến lược sản xuất kinh doanh. Công ty triển khai các chiến lược chính trong năm 2023 như sau:

- Phối hợp cùng Tập đoàn GELEX đổi mới hoạt động kiểm tra, giám sát, định hướng, hỗ trợ thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư tại Công ty và các CTTV nhằm mục tiêu hoàn thành cao nhất KHKD được phê duyệt.
- Tập trung vào công tác quản lý, quản trị chung toàn hệ thống nhằm tiết giảm chi phí, quản trị tối ưu hàng tồn kho, khoản phải thu, vốn lưu động, ..., ứng dụng công nghệ vào quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại các đơn vị.
- Định hướng tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- Tăng cường xúc tiến, khởi tạo các cơ hội kinh doanh mới: tìm kiếm thị trường xuất khẩu, khai thác cơ hội kinh doanh thông qua M&A, ...
- Triển khai chính sách nhân sự kế thừa của Tập đoàn: quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Công ty và các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống.
- Nghiên cứu phương án/ thực hiện cấu trúc lại sở hữu vốn tại một số doanh nghiệp nhằm bổ sung nguồn vốn, nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động đầu tư chiến lược khác của Công ty. Đồng thời, huy động và sử dụng các nguồn vốn, nguồn lực tài chính hiệu quả, tận dụng lợi thế cộng hưởng của Tập đoàn.

Công tác tổ chức hoạt động của HĐQT

Với KHKD năm 2023, định hướng phát triển của Công ty và các chiến lược đã đặt ra, HĐQT xác định tiếp tục hoạt động trên tinh thần hiệu quả và minh bạch với các giải pháp:

- Củng cố, nâng cao năng lực quản trị, phát huy tối đa kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn của thành viên HĐQT trong công tác quản lý.
- Sát sao, hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban điều hành và Người đại diện vốn trong việc hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư và giám sát việc thực hiện các chiến lược này một cách có hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa làm việc của HĐQT với các nguyên tắc: cẩn trọng, minh bạch, đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả của HĐQT.

CHƯƠNG 4

Quản trị công ty

- 62 Các hoạt động của Hội đồng quản trị
- 64 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban TGD và Ban Kiểm soát



Các hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông tin về các thành viên HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT (TVHĐQT không điều hành)	02/01/2020		
2	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	TVHĐQT không điều hành	02/01/2020		
3	Ông Lê Quang Định	TVHĐQT không điều hành	02/01/2020		15/04/2022
4	Ông Đặng Phan Tường	TVHĐQT không điều hành	09/09/2021		
5	Ông Đỗ Duy Hưng	TVHĐQT không điều hành	09/09/2021		
6	Nguyễn Trọng Trung	TVHĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15/04/2022		

Các cuộc họp HĐQT

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, các cuộc họp chuyên đề về sản xuất kinh doanh với Ban điều hành Công ty, người đại diện vốn tại các CTTV để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, theo sát các diễn biến thị trường, kinh tế - chính trị - xã hội, từ đó các quyết sách kịp thời, linh hoạt, chỉ đạo Ban điều hành/người đại diện vốn trong điều hành hoạt động SXKD Công ty và các CTTV.

HĐQT cũng thực hiện các lần ý kiến bằng văn bản nhằm thông qua kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành 17 phiên họp, 31 lần lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp, được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ và các quy chế/quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành.

Trong năm 2022, các khoản thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT như được nêu trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được trình Đại hội.

Chi tiết theo Phụ lục 01.



Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Một số hoạt động của Ban kiểm soát trong cả năm 2022 như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập: Kiểm tra các báo cáo tài chính tháng/quý/năm trong năm 2022 nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính
- Trong cả năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành 17 Biên bản họp và các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được tổ chức và tiến hành theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Ban Tổng Giám đốc điều hành gồm 02 người, đã triển khai các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo các quy định nội bộ và quy định pháp luật hiện hành.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, kiểm soát việc thực hiện, triển khai kế hoạch kinh doanh tại các công ty thành viên thông qua người đại diện vốn theo mục tiêu đã đặt ra và tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

• Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

• Ban Kiểm soát được mời tham dự họp và được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của Ban Kiểm soát.

• Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ các Ban, Phòng, nhân sự của Công ty và các đơn vị liên quan như cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát, cử nhân sự làm việc với Ban Kiểm soát khi cần thiết.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	5.600.000.000	3.531.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác(ii)	2.058.622.725	1.457.583.333
Thù lao Ban kiểm soát (iii)	240.000.000	60.000.000
	7.898.622.725	5.048.583.333

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Thù lao	720.000.000	-
Nguyễn Văn Tuấn	240.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiếu	120.000.000	-
Đỗ Duy Hưng	120.000.000	-
Đặng Phan Tường	120.000.000	-
Nguyễn Trọng Trung	80.000.000	-
Lê Quang Định	40.000.000	-

	Năm nay	Năm trước
		VND
Lương và các khoản thu nhập khác	4.880.000.000	3.531.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	20.000.000	9.000.000
Nguyễn Trọng Tiếu	1.820.000.000	2.335.000.000
Đỗ Duy Hưng	1.520.000.000	582.000.000
Đặng Phan Tường	1.520.000.000	582.000.000
Lê Quang Định	-	9.000.000
Nguyễn Trần Đăng Phước	-	7.000.000
Nguyễn Quốc Vinh	-	7.000.000
Tổng cộng	5.600.000.000	3.531.000.000

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Nguyễn Trọng Trung	431.000.000	450.000.000
Các thành viên quản lý khác	1.627.622.725	1.027.119.697
	2.058.622.725	1.477.119.697

(iii) Thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
		VND
Thù lao		
Nguyễn Thị Huyền	120.000.000	30.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	60.000.000	15.000.000
Tiêu Thị Dung	60.000.000	15.000.000
	240.000.000	60.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0%	300.000	0,1%	Mua thêm cổ phần theo nhu cầu cá nhân

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết theo Phụ lục 02.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

GELEX Electric tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, bao gồm các quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Một số quy định về quản trị Công ty đã được đầy đủ có thể kể đến như sau:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- Đáp ứng đầy đủ số lượng thành viên HĐQT không điều hành;
- Thành viên HĐQT chỉ đồng thời là thành viên HĐQT tối đa tại 05 công ty khác;
- Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc;
- Công ty có Ban Kiểm soát hoạt động đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định;
- Các giao dịch với bên có liên quan được thông qua đúng cấp thẩm quyền và công bố thông tin đầy đủ, phản ánh các giao dịch này tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị Công ty.

CHƯƠNG 5

Báo cáo phát triển bền vững

68 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tác động lên môi trường

Giữa bối cảnh khí hậu nóng lên toàn cầu, cùng với việc chất lượng không khí tại Việt Nam càng ngày càng giảm sút, ban lãnh đạo của GELEX Electric coi việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc giảm phát khí thải nhà kính là một hoạt động trọng yếu. Đó cũng chính là lý do GELEX Electric đầu tư vào một mảng kinh doanh mới là mảng vận hành các nhà máy năng lượng tái tạo, thủy điện.

Các loại năng lượng mà Công ty phát triển như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy điện rất thân thiện với môi trường cũng như không phát ra khí thải nhà kính như các loại nguyên liệu truyền thống khác là than, dầu mỏ và khí đốt. GELEX Electric có tất cả các giấy phép và chứng nhận về môi trường để thực hiện hoạt động kinh doanh của mình. Mục tiêu của GELEX Electric bao gồm:

- Đạt hoặc vượt các yêu cầu và tiêu chuẩn được áp dụng.
- Giảm, loại bỏ chất thải và khí thải.
- Thực hiện đánh giá và kiểm soát chặt chẽ khí thải ra môi trường.
- Lập kế hoạch đầu tư cho môi trường dựa trên đánh giá của địa phương và xã hội.

Đối với ngành sản xuất thiết bị điện, GELEX Electric vẫn đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, thân thiện hơn với môi trường, đạt các tiêu chuẩn quốc gia và hội tụ đầy đủ các yếu tố: dẫn điện tốt, cách điện an toàn và tiết kiệm điện. Các dây chuyền sản xuất của GELEX Electric cũng là các dây chuyền sản xuất tiên tiến nhất, để tối ưu hóa các nguồn lực, giảm thiểu lãng phí.

Hoạt động sản xuất muốn đạt được hiệu quả cao nhất cần có sự cung cấp liên tục của nguyên vật liệu. Việc thiếu hụt sẽ làm gián đoạn sản xuất, sản lượng cung cấp không đủ cho thị trường và khách hàng có xu hướng chuyển sang các nhà cung cấp khác. Điều này sẽ gây ra thiệt hại không nhỏ cho doanh nghiệp, dù trong ngắn hạn hay dài hạn. Ngược lại, quản lý hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng suất, gia tăng sản lượng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Trong mỗi công đoạn, chúng tôi đều xây dựng quy trình riêng, như:

- Tổ chức tiếp nhận nguyên vật liệu
- Tổ chức quản lý kho
- Tổ chức cấp phát nguyên liệu
- Thanh toán, quyết toán nguyên vật liệu.

Đối với mảng phát điện, nguồn nguyên liệu sơ cấp như nguồn nước, bức xạ, gió,... sử dụng cho các nhà máy phát điện chúng tôi sử dụng đều là những nguyên liệu sạch thân thiện với môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn xác định việc tiêu thụ năng lượng đối với khối sản xuất thiết bị điện hợp lý là một yếu tố quan trọng trong việc giảm thiểu chi phí sản xuất, đồng thời góp phần tiết kiệm nguồn năng lượng cho các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tại các nhà máy trong khối phát điện, sản lượng điện các dự án hòa lưới điện Quốc gia luôn chiếm tỷ trọng cao do đã tuân thủ chặt chẽ quy trình dự báo, điều độ của các cấp quản lý. Đồng thời năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả như:

- Vận hành hợp lý các hệ thống công nghệ để giảm thiểu nguồn điện năng tự dùng.
- Sử dụng hệ thống chiếu sáng hợp lý, tiết kiệm năng lượng như dùng bóng đèn led.

Ngoài ra, năng lượng điện các dự án phát ra bán lên lưới điện Quốc gia, một phần cấp được sử dụng cho các dự án. GELEX Electric cũng có những sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả như:

- Vận hành hợp lý các hệ thống công nghệ để giảm thiểu nguồn điện năng tự dùng.
- Sử dụng hệ thống chiếu sáng hợp lý, tiết kiệm năng lượng như dùng bóng đèn led.

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động công ty đã làm việc với nhiều đoàn thành kiểm tra về môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty và các công ty con, vì vậy Ban Lãnh đạo công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của Công ty trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt. Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động trong hệ thống GELEX Electric là 2.161 người.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng bậc, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất, nâng lương cho lao động gián tiếp, tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại cho cán bộ từ cấp quản lý và một số nhân viên trẻ có năng lực phục vụ thiết thực cho công tác quản lý.

Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động mới được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.

Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, 08 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...

Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động minh bạch, thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.

Về các chế độ với người lao động thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.



CHƯƠNG 6

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

- 74 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 76 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 78 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 82 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 84 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 86 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX, gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Quang Định	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
4370-2023-001-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.767.527.023.963	12.445.884.407.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	709.642.327.664	1.409.760.105.856
1. Tiền	111		564.424.378.349	1.289.806.005.856
2. Các khoản tương đương tiền	112		145.217.949.315	119.954.100.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		224.520.087.123	329.850.452.430
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.610.906.301	222.815.452.430
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16.1	222.909.180.822	107.035.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.332.529.988.643	3.529.916.610.729
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.651.053.396.469	2.980.223.731.054
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	536.960.654.004	128.299.511.312
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	10.000.000.000	290.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	357.669.879.026	352.719.716.172
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(223.153.940.856)	(221.326.347.809)
IV. Hàng tồn kho	140	10	4.360.430.182.967	6.780.379.220.031
1. Hàng tồn kho	141		4.388.737.840.768	6.793.267.795.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.307.657.801)	(12.888.575.389)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		140.404.437.566	395.978.018.939
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	18.162.722.306	31.671.627.042
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		106.240.169.152	358.869.839.206
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	16.001.546.108	5.436.552.691

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.652.096.136.063	10.677.904.872.417
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.111.000.000	172.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	15.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		111.000.000	172.000.000
II. Tài sản cố định	220		6.682.659.963.865	6.785.197.478.113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.588.973.490.925	6.656.073.821.302
• Nguyên giá	222		9.630.097.534.692	9.424.513.863.082
• Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.041.124.043.767)	(2.768.440.041.780)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	93.686.472.940	129.123.656.811
• Nguyên giá	228		138.209.973.949	168.249.758.669
• Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.523.501.009)	(39.126.101.858)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	139.231.876.837	-
• Nguyên giá	231		215.774.318.168	2.374.201.599
• Giá trị hao mòn lũy kế	232		(76.542.441.331)	(2.374.201.599)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		171.388.161.698	514.376.749.859
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	171.388.161.698	514.376.749.859
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.882.150.801.639	2.598.357.532.586
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.2	767.553.251.239	2.595.121.851.285
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.3	1.114.597.550.400	3.235.681.301
VI. Tài sản dài hạn khác	260		761.554.332.024	779.801.111.859
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	591.666.043.239	571.261.215.801
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	26	16.101.230.196	25.249.393.060
3. Lợi thế thương mại	269	17	153.787.058.589	183.290.502.998
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		17.419.623.160.026	23.123.789.280.402

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.416.179.720.742	17.136.396.187.466
I. Nợ ngắn hạn	310		6.165.114.622.354	10.923.217.163.650
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.052.192.064.846	2.804.641.003.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	246.176.594.439	377.174.341.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	89.968.626.997	71.085.559.607
4. Phải trả người lao động	314		83.766.866.498	120.272.570.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	61.402.099.246	98.282.844.852
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	11.253.467.576
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.016.080.095.926	1.938.077.205.658
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	3.505.874.297.985	5.369.748.183.845
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	88.198.811.192	98.864.231.183
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.455.165.225	33.817.755.606
II. Nợ dài hạn	330		5.251.065.098.388	6.213.179.023.816
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	9.259.078.400	9.259.078.400
2. Phải trả dài hạn khác	337		2.172.000.000	707.300.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	5.159.829.973.072	6.113.922.911.348
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	6.451.798.811	7.598.440.505
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	73.352.248.105	81.691.293.563

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.003.443.439.284	5.987.393.092.936
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	6.000.424.392.006	5.983.526.045.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	835.287.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		525.863.463.548	525.863.463.548
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		919.904.234.036	858.116.806.206
• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		369.170.086.575	387.046.888.398
• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		550.734.147.461	471.069.917.808
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		714.369.194.422	759.258.275.912
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.019.047.278	3.867.047.270
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		3.019.047.278	3.867.047.270
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		17.419.623.160.026	23.123.789.280.402

Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	16.822.823.680.023	18.847.758.909.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	158.151.142.409	133.553.048.040
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	16.664.672.537.614	18.714.205.861.145
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	30	14.550.681.716.128	16.884.083.731.929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.113.990.821.486	1.830.122.129.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	840.623.635.551	394.870.532.850
7. Chi phí tài chính	22	33	1.128.443.045.178	744.443.081.249
• Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	23		716.192.111.956	516.390.762.541
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		19.475.537.739	28.527.328.458
9. Chi phí bán hàng	25	34	348.744.839.303	360.858.347.287
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	408.238.567.370	387.450.215.643
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)	30		1.088.663.542.925	760.768.346.345
12. Thu nhập khác	31	35	40.567.570.130	59.484.543.159
13. Chi phí khác	32		8.877.018.432	2.247.136.204
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		31.690.551.698	57.237.406.955
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.120.354.094.623	818.005.753.300
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	140.747.641.889	177.074.181.774
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	8.001.521.170	(13.857.407.490)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		971.604.931.564	654.788.979.016
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		880.462.911.763	565.867.041.019
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		91.142.019.801	88.921.937.997
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.935	2.245

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.120.354.094.623	818.005.753.300
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại phân bổ	02	632.939.301.567	326.361.941.953
Các khoản dự phòng	03	(1.757.789.990)	26.991.130.199
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	21.439.299.986	4.544.737.998
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(777.081.913.224)	(230.202.543.725)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	716.192.111.956	516.390.762.541
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.712.085.104.918	1.462.091.782.266
Giảm các khoản phải thu	09	1.084.929.139.146	922.201.620.279
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	2.404.529.954.652	(3.732.848.855.101)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.909.427.131.133)	396.541.567.761
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(6.895.922.702)	3.355.817.139
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	221.204.546.129	488.796.978.038
Tiền lãi vay đã trả	14	(697.465.698.559)	(539.999.139.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(140.060.037.612)	(166.198.892.303)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	220.119.910
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.901.274.043)	(20.386.231.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.647.998.680.796	(1.186.225.233.634)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(303.912.410.315)	(474.801.298.384)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	65.080.839.009	63.135.560.101
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(422.739.180.822)	(501.229.771.528)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	571.865.000.000	267.759.833.171
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(139.408.800.000)	(1.950.879.204.496)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.239.663.600.000	586.093.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	250.562.100.485	191.722.066.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.261.111.148.357	(1.818.198.865.040)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	108.238.299.785	1.660.729.170.511
2. Tiền thu từ đi vay	33	11.784.844.065.543	19.868.860.009.329
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.614.658.438.665)	(17.752.321.414.588)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(887.041.637.725)	(164.964.641.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.608.617.711.062)	3.612.303.123.437
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(699.507.881.909)	607.879.024.763
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.409.760.105.856	802.754.993.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(609.896.283)	(873.912.739)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	709.642.327.664	1.409.760.105.856

Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. Thông tin khái quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (đổi tên từ ngày 15 tháng 11 năm 2022), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8885/UBCK-GSĐC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.279 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.717 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”) là:

- Cung cấp các sản phẩm trong lĩnh vực thiết bị điện bao gồm dây, cáp điện, máy biến áp, thiết bị đo điện, động cơ điện các loại, các sản phẩm khác... và dịch vụ sửa chữa;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

- Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện:
 - Theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện, Công ty Cổ phần Thiết bị Điện đã hoàn tất thủ tục bán 4.800.000 cổ phiếu quỹ tại ngày 11 tháng 01 năm 2022. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị Điện giảm từ 86,96% xuống 80,71% kể từ ngày này.
 - Ngày 05 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 4.800.000 cổ phiếu THI (“Công ty Cổ phần Thiết bị Điện”) theo phương thức thỏa thuận. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị Điện tăng từ 80,71% lên 90,71% kể từ ngày này.
- Tại ngày 10 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 6.120.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh từ Công ty Cổ phần Thiết bị điện - công ty con của Công ty theo Nghị quyết số 14/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh tăng từ 41,24% lên 51,00% kể từ ngày này và tỷ lệ biểu quyết của Công ty vẫn là 51,00%.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX với số tiền là 5.100.000.000 VND tương ứng 51% vốn điều lệ của Công ty này theo Nghị quyết số 10/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Quản trị.
- Theo Nghị quyết số 04A/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2022 của Hội đồng Quản trị về chủ trương thoái một phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục bán 26.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX tương ứng với 3,29% vốn điều lệ của công ty này cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX - bên liên quan của Công ty, thu về số tiền 520 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX giảm từ 22,42% xuống 19,13% kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

- Theo Nghị quyết số 57/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, Công ty đã hoàn tất thủ tục nhượng lại 40.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX tương ứng với 5,063% vốn điều lệ của công ty này cho Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Công ty mẹ, thu về số tiền 720 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX tiếp tục giảm từ 19,13% xuống 14,06% kể từ ngày này.

- Theo Nghị quyết số 51/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Quản trị về việc cho ý kiến với Người đại diện tại Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX liên quan đến thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên, Công ty đã chấp thuận với đề xuất Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên với số vốn điều lệ góp là 3.060.000.000 VND chiếm tỷ lệ 51%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, các bên vẫn đang trong quá trình góp vốn và Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX vẫn chưa chuyển tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX Hưng Yên.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Nhóm Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	Thành phố Hồ Chí Minh	96,35%	96,35%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	Đồng Nai	90,71%	90,71%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC (“Emic”)	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”)	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (“GELEX Quảng Trị”)	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
8.	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh (“MEE”)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
9.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai (“Cadivi Đồng Nai”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội (“HECO”)	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất, sửa chữa và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power (“G-Power”)	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
3.	Công ty TNHH S.A.S - CTA-MAD (“SAS”)	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(iii) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Hà Nội	24,95%	24,95%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận (“Gelex Ninh Thuận”)	Ninh Thuận	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
2.	Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ (“Phú Thạnh Mỹ”)	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện

(v) Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Mirai Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió (chưa triển khai dự án)

(vi) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện (Chưa góp vốn)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất và năm tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh, được xác định theo giá trị ghi sổ trên báo cáo hợp nhất của bên chuyển nhượng tại ngày giao dịch, bao gồm giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh khi bên chuyển nhượng đạt được quyền kiểm soát tại đơn vị được hợp nhất.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua và lợi thế thương mại

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trong trường hợp trước ngày Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, trên báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.



Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Nhóm Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	02 - 26
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Phần mềm máy tính	02 - 06
Bản quyền, bằng sáng chế	05 - 07

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất phản ánh số tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Bản quyền, bằng sáng chế

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị do Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc thiết bị	08 - 25

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Lãi mua hàng trả chậm;
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Chi phí bảo lãnh khoản vay;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí di dời máy móc thiết bị;
- Chi phí nội thất văn phòng;
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau ngày 01 tháng 7 năm 2004) có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Dự án Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận, điện gió Gelex Quảng Trị được phân bổ trong thời gian hoạt động còn lại của dự án kể từ khi nhà máy đưa vào vận hành.

Lãi mua hàng trả chậm

Tiền lãi do mua trả chậm nguyên vật liệu thực tế phát sinh được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian được chậm trả nhưng phân bổ không quá 01 năm.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng bao gồm các chi phí trả trước cho nhiều năm. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định trả trước cho một hay nhiều năm. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí bảo lãnh khoản vay

Chi phí bảo lãnh vay ngân hàng thể hiện khoản phí bảo lãnh đã trả trước, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo lãnh.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí di dời máy móc thiết bị

Chi phí di dời máy móc từ Khu công nghiệp Biên Hòa sang nhà máy mới tại Khu công nghiệp Long Đức, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Chi phí nội thất văn phòng

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước cho nhiều kỳ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Trái phiếu phát hành

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu (-) Chi phí phát hành trái phiếu.

Nhóm Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội sử dụng phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm lãi từ việc bán hàng trả chậm. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận bằng phần chênh lệch giữa giá bán trả ngay và tổng giá trị thu hồi từ việc bán trả chậm. Hàng năm, doanh thu hoạt động tài chính về phần tính lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Nhóm Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Nhóm Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.082.528.218	2.698.939.245
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	560.341.850.131	1.287.107.066.611
Các khoản tương đương tiền (*)	145.217.949.315	119.954.100.000
	709.642.327.664	1.409.760.105.856

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,6%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 2,3%/năm đến 4%/năm).

Một số khoản tương đương tiền với giá trị 8.371.100.000 VND được sử dụng để thế chấp cho khoản vay (Thuyết minh số 23 và 24).

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam	174.925.600.357	142.566.455.871
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	174.604.298.661	351.680.906.100
Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	105.226.814.025	106.931.121.035
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	93.603.342.761	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	1.667.071.670	398.802.923.083
Công ty TNHH Sao Kim BK	-	398.142.925.700
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.101.026.268.995	1.582.099.399.265
	1.651.053.396.469	2.980.223.731.054

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	2.734.792.625	55.396.080.980
--	---------------	----------------

Quyền thụ hưởng một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay (Thuyết minh số 23 và 24).

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dây đồng TSM	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	68.023.438.925	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam	12.574.205.840	46.901.196.000
Các khoản trả trước khác	56.363.009.239	81.398.315.312
	536.960.654.004	128.299.511.312

Trong đó:

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	1.076.012.697	-
--	---------------	---

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

7. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần VGROUP	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	280.000.000.000
	10.000.000.000	290.000.000.000
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Dây đồng TSM	15.000.000.000	-
	15.000.000.000	-
Trong đó:		
Phải thu về cho vay của các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	-	280.000.000.000

8. Phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu Cadivi, Thibidi	231.196.450.500	-
Ký cược, ký quỹ	79.014.338.006	192.741.422.014
Tạm ứng	18.957.847.345	20.461.929.296
Phải thu về tiền lãi tiền gửi, cho vay	3.587.138.577	16.958.235.686
Cổ tức đã chuyển VSD thanh toán cho cổ đông	-	39.464.599.000
Phải thu do điều chỉnh giá nhập nguyên vật liệu	-	35.480.287.182
Phải thu về bán cổ phiếu quỹ tại công ty con	-	27.530.422.420
Phải thu khác	24.914.104.598	20.082.820.574
	357.669.879.026	352.719.716.172
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	-	4.315.714.530

9. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	VND Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.283.046.487	-	106.283.046.487	106.283.046.487	-	106.283.046.487
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	57.814.174.949	-	57.814.174.949	57.814.174.949	-	57.814.174.949
Các khoản khác	65.345.168.803	6.288.449.383	59.056.719.420	61.153.975.202	3.924.848.829	57.229.126.373
	229.442.390.239	6.288.449.383	223.153.940.856	225.251.196.638	3.924.848.829	221.326.347.809

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi là giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng được trích lập theo các quy định hiện hành cho các khoản phải thu đó.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

10. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	46.647.728.914	-	245.061.566.589	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.034.931.070.974	(10.938.438.093)	2.970.375.174.455	(3.329.634.737)
Công cụ, dụng cụ	7.336.745.637	(14.325.828)	7.116.737.153	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	327.081.289.040	-	879.205.718.772	-
Thành phẩm	1.913.650.093.656	(17.354.893.880)	2.632.005.627.365	(9.558.940.652)
Hàng hoá	29.548.114.888	-	31.508.797.427	-
Hàng gửi bán	29.542.797.659	-	27.994.173.659	-
	4.388.737.840.768	(28.307.657.801)	6.793.267.795.420	(12.888.575.389)

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.393.858.571	2.064.708.025
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.436.210.675	1.671.427.712
Lãi mua hàng trả chậm	820.124.518	14.740.887.288
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.512.528.542	13.194.604.017
	18.162.722.306	31.671.627.042
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	250.909.116.060	246.090.054.565
Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng (*)	125.426.246.050	141.792.599.939
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	110.066.856.181	109.479.498.620
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	35.023.901.911	30.633.648.520
Chi phí di dời máy móc thiết bị	16.819.630.467	-
Chi phí nội thất văn phòng	16.177.068.075	15.832.565
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.058.569.276	12.078.951.068
Chi phí bảo lãnh khoản vay	7.845.816.675	17.080.639.027
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.338.838.544	14.089.991.497
	591.666.043.239	571.261.215.801

Trong năm, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 15,8 tỷ VND (năm trước 0 VND) và hoàn nhập dự phòng với số tiền là 363 triệu VND (năm trước hoàn nhập: 6 tỷ VND).

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23 và 24).

(*) Một số tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23 và 24).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	VND		Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.215.121.477.750	6.902.323.279.594	24.155.440.514	282.913.665.224	9.424.513.863.082
Tăng trong năm	3.010.640.126	60.846.354.340	3.895.887.870	5.772.467.689	73.525.350.025
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	445.378.022.412	54.391.499.934	81.300.000	4.232.949.052	504.083.771.398
Phân chia theo thỏa thuận hợp tác đầu tư	(3.639.662.163)	(26.203.860.317)	-	(2.633.427.607)	(32.476.950.087)
Phân loại lại sang Bất động sản đầu tư	(74.745.514.589)	-	-	-	(74.745.514.589)
Phân loại lại	114.508.476	(111.767.908)	(808.068.048)	805.327.480	-
Thanh lý, nhượng bán	(148.645.730.860)	(98.860.034.353)	(1.011.955.120)	(16.285.264.804)	(264.802.985.137)
Số dư cuối năm	2.436.593.741.152	6.892.385.471.290	26.312.605.216	274.805.717.034	9.630.097.534.692
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	717.907.898.265	1.900.813.182.720	18.068.759.139	131.650.201.656	2.768.440.041.780
Khấu hao trong năm	111.714.182.218	442.601.133.674	1.705.751.319	27.518.603.420	583.539.670.631
Phân loại lại sang Bất động sản đầu tư	(58.821.452.364)	-	-	-	(58.821.452.364)
Phân loại lại	114.508.479	(71.503.128)	71.503.128	(114.508.479)	-
Thanh lý, nhượng bán	(147.775.693.991)	(88.905.805.457)	(985.560.724)	(14.367.156.108)	(252.034.216.280)
Số dư cuối năm	623.139.442.607	2.254.437.007.809	18.860.452.862	144.687.140.489	3.041.124.043.767
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.497.213.579.485	5.001.510.096.874	6.086.681.375	151.263.463.568	6.656.073.821.302
Tại ngày cuối năm	1.813.454.298.545	4.637.948.463.481	7.452.152.354	130.118.576.545	6.588.973.490.925

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 591 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 804 tỷ VND).

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23 và 24). Giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp ngân hàng là 5.112 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.034 tỷ VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	60.703.338.362	40.321.778.266	67.224.642.041	168.249.758.669
Tăng trong năm	-	2.171.150.720	-	2.171.150.720
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	6.194.352.000	6.194.352.000
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(38.405.287.440)	-	-	(38.405.287.440)
Phân loại lại	-	251.378.464	(251.378.464)	-
Số dư cuối năm	22.298.050.922	42.744.307.450	73.167.615.577	138.209.973.949
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	13.729.561.831	2.549.986.333	22.846.553.694	39.126.101.858
Hao mòn trong năm	579.300.553	2.161.505.974	13.274.574.694	16.015.381.221
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(10.617.982.070)	-	-	(10.617.982.070)
Phân loại lại	-	251.378.464	(251.378.464)	-
Số dư cuối năm	3.690.880.314	4.962.870.771	35.869.749.924	44.523.501.009
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	46.973.776.531	37.771.791.933	44.378.088.347	129.123.656.811
Tại ngày cuối năm	18.607.170.608	37.781.436.679	37.297.865.653	93.686.472.940

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2,5 tỷ VND).

Một số tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23 và 24). Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thế chấp ngân hàng là 9,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 37,5 tỷ VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Máy móc, thiết bị	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	71.883.343.731	-	28.365.970.809	100.249.314.540
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	74.745.514.589	-	-	74.745.514.589
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	38.405.287.440	-	38.405.287.440
Số dư cuối năm	149.003.059.919	38.405.287.440	28.365.970.809	215.774.318.168
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Khấu hao trong năm	2.195.270.491	-	2.533.534.807	4.728.805.298
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	58.821.452.364	-	-	58.821.452.364
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	10.617.982.070	-	10.617.982.070
Số dư cuối năm	63.390.924.454	10.617.982.070	2.533.534.807	76.542.441.331
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	85.612.135.465	27.787.305.370	25.832.436.002	139.231.876.837

Nguyên giá bất động sản đầu tư khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2,4 tỷ VND).

Một số bất động sản đầu tư đã được thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 23 và 24). Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư thế chấp ngân hàng là 36,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 tỷ VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Nhóm Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương	127.443.482.364	127.443.482.364
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	16.507.094.901	45.359.418.844
Dự án Công ty Mua bán điện tại KCN Tiền Hải, Thái Bình	10.733.616.135	-
Dự án Cadivi Tower	2.352.683.041	89.092.571.804
Dự án triển khai hệ thống ERP	3.287.514.170	5.283.018.727
Dự án các nhà máy tại khu công nghiệp Long Đức	-	237.222.600.003
Khác	11.063.771.087	9.975.658.117
	171.388.161.698	514.376.749.859

Một số tài sản hình thành từ các dự án được thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 23 và 24).

16. Đầu tư tài chính

16.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	222.909.180.822	-	-	107.035.000.000	-	-
	222.909.180.822	-	-	107.035.000.000	-	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,6%/năm (năm 2021: 2,4%/năm đến 6,5%/năm) và các chứng chỉ tiền gửi tại Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất 7,0%/năm đến 9,25%/năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

16.2. Đầu tư vào công ty liên kết

Phân lợi nhuận từ công ty liên kết						
	Số đầu năm	Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong năm	VND Phân phối Quý và điều chỉnh khác	Cổ tức chia trong năm	Chuyển thành đầu tư vào đơn vị khác	VND Số cuối năm
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (i)	536.174.180.795	10.282.188.287	(2.676.053.688)	(24.264.411.000)	-	519.515.904.394
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (ii)	263.179.085.098	30.700.167.020	(1.814.680.673)	(44.027.224.600)	-	248.037.346.845
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (iii)	1.795.768.585.392	51.275.552.393	-		(1.847.044.137.785)	-
	2.595.121.851.285	92.257.907.700	(4.490.734.361)	(68.291.635.600)	(1.847.044.137.785)	767.553.251.239

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần tại ngày 30 tháng 12 năm 2022 là 1.011.017.125 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 606.610.275.000 VND), được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Nhóm Công ty đang nắm giữ.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

(iii) Trong năm, Công ty giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX từ 22,42% xuống 14,06% (Chi tiết tại Thuyết minh số 01).

16.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Số đầu năm						
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.111.361.869.099	(ii)	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	2.178.670.000	5.159.200.000	-	2.178.670.000	5.081.812.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	(ii)	-	1.057.011.301	(ii)	-
	1.114.597.550.400		-	3.235.681.301		-

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

17. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (i)	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Tổng
					VND
Số dư đầu năm	22.071.631.237	166.685.653.795	27.734.837.846	38.184.709.266	254.676.832.144
Số dư cuối năm	22.071.631.237	166.685.653.795	27.734.837.846	38.184.709.266	254.676.832.144
PHÂN BỐ LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.198.034.458	50.005.696.140	11.420.227.351	1.762.371.197	71.386.329.146
Phân bổ trong năm	2.522.472.141	16.668.565.380	3.262.922.100	7.049.484.788	29.503.444.409
Số dư cuối năm	10.720.506.599	66.674.261.520	14.683.149.451	8.811.855.985	100.889.773.555
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	13.873.596.779	116.679.957.655	16.314.610.495	36.422.338.069	183.290.502.998
Tại ngày cuối năm	11.351.124.638	100.011.392.275	13.051.688.395	29.372.853.281	153.787.058.589

(i) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Cơ điện Hà Nội từ năm 2019.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
a. Ngắn hạn				
Samsung C&T Singapore PTE. LTD	321.997.425.551	321.997.425.551	-	-
Toyota Tsusho Asia Pacific PTE. LTD.	135.644.531.790	135.644.531.790	-	-
LS Nikko Cooper Inc	-	-	1.076.454.136.689	1.076.454.136.689
Y and W Engineering and Trading Co., Ltd	144.878.473.333	144.878.473.333	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	92.106.174.396	92.106.174.396	1.090.120.889.177	1.090.120.889.177
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	38.013.562.772	38.013.562.772	74.287.506.372	74.287.506.372
Các đối tượng khác	319.551.897.004	319.551.897.004	563.778.471.500	563.778.471.500
	1.052.192.064.846	1.052.192.064.846	2.804.641.003.738	2.804.641.003.738
b. Dài hạn				
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	9.259.078.400	9.259.078.400	9.259.078.400	9.259.078.400
	9.259.078.400	9.259.078.400	9.259.078.400	9.259.078.400
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	139.388.185.759	139.388.185.759	1.173.679.020.340	1.173.679.020.340

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	33.180.500.000	39.959.781.600
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dẫn	32.852.520.448	39.856.875.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	29.267.000.000	50.162.156.400
Người mua trả tiền trước khác	150.876.573.991	247.195.527.444
	246.176.594.439	377.174.341.347
Trong đó: Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	19.637.257.627	19.637.257.627

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /khấu trừ trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	52.885.996	16.365.452.872	710.604.497.077	709.016.117.870	11.519.304.307	29.420.250.390
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	67.905.680	-	11.360.295.443	11.294.866.899	2.477.136	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.925.072	48.016.634.635	140.641.940.509	140.060.037.612	4.478.764.664	52.729.377.124
Thuế thu nhập cá nhân	4.931.931.885	2.684.519.643	30.795.973.819	25.619.708.745	-	2.928.852.832
Thuế tài nguyên	-	1.307.587.705	20.686.533.427	19.899.933.276	-	2.094.187.856
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	9.192.661.560	9.192.661.560	-	-
Các loại thuế khác	32.054.058	282.423.980	316.041.346	486.139.790	1.000.001	81.271.479
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.850.000	2.428.940.772	8.025.154.922	7.735.558.378	-	2.714.687.316
	5.436.552.691	71.085.559.607	931.623.098.103	923.305.024.130	16.001.546.108	89.968.626.997

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	34.301.219.593	38.381.259.291
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	16.085.295.215	3.476.148.790
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	4.151.045.662	4.393.761.375
Chi phí hoa hồng đại lý	3.891.714.618	5.639.401.850
Phí thanh toán trả chậm, thư tín dụng (LC)	543.421.072	10.424.172.493
Chi phí các dự án, công trình xây dựng	-	29.309.140.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.429.403.086	6.658.961.053
	61.402.099.246	98.282.844.852

22. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dư nợ thư tín dụng (LC)	896.178.685.213	1.855.419.436.637
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	83.307.519.351	52.820.542.340
Cổ tức, lợi nhuận phải trả, lãi vay	27.402.899.528	17.418.190.644
Các khoản khác	9.190.991.834	12.419.036.037
	1.016.080.095.926	1.938.077.205.658
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	10.958.904.109	125.926.334

(i) Bao gồm chủ yếu là các khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,72%/năm (năm 2021: 7,68%/năm).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	VND		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	4.493.744.163.897	4.493.744.163.897	9.922.921.967.430	12.065.255.938.260	2.351.410.193.067	2.351.410.193.067
Vay ngân hàng (i)	4.475.116.703.047	4.475.116.703.047	9.336.841.919.643	11.464.424.958.623	2.347.533.664.067	2.347.533.664.067
Vay bên liên quan	-	-	560.000.000.000	560.000.000.000	-	-
Vay đối tượng khác	18.627.460.850	18.627.460.850	26.080.047.787	40.830.979.637	3.876.529.000	3.876.529.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	876.004.019.948	876.004.019.948	1.168.522.939.069	890.062.854.099	1.154.464.104.918	1.154.464.104.918
Trái phiếu đến hạn thanh toán	217.706.007.910	217.706.007.910	160.000.000.000	217.706.007.910	160.000.000.000	160.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	584.548.012.038	584.548.012.038	934.772.939.069	598.606.846.189	920.714.104.918	920.714.104.918
Vay bên liên quan	73.750.000.000	73.750.000.000	73.750.000.000	73.750.000.000	73.750.000.000	73.750.000.000
	5.369.748.183.845	5.369.748.183.845	11.091.444.906.499	12.955.318.792.359	3.505.874.297.985	3.505.874.297.985

(i) Các khoản vay ngắn hạn của Công ty để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	VND		Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			%/năm	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	717.542.031.195	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 5 năm 2023	4,8 - 8	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	344.675.085.906	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả một lần khi đáo hạn khoản vay. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 04 tháng 5 năm 2023	7,18 - 7,5	Tín chấp
Ngân hàng Maybank - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	146.558.262.691	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả khi giải ngân. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 07 tháng 02 năm 2023	5,7 - 7,8	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	131.537.493.464	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 4 năm 2023	6,5 - 8,0	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Sở giao dịch I	122.309.154.265	Thời hạn vay tối đa 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 06 tháng 6 năm 2023.	5,3 - 8,0	Một số máy móc, thiết bị và tài sản cố định gắn liền với đất, hàng tồn kho và quyền đòi nợ theo hợp đồng kinh tế do ngân hàng tài trợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đông Anh	96.556.661.258	Kỳ hạn vay 6 tháng - 8 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 4 năm 2023	6,4 - 8,5	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư nhà máy của Công ty tại KCN Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai; toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, các quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và nguyên vật liệu phục vụ cho ngành điện sử dụng khoản vay này và hợp đồng tiền gửi trị giá 10.000.000.000 VND

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau (Tiếp theo):

	VND		Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			%/năm	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa	95.030.089.786	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 01 năm 2023	7,5	Hàng tồn kho và nợ phải thu của CFT
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam Chi nhánh Biên Hòa	87.103.727.665	Kỳ hạn vay 06 tháng. Lãi trả hàng tháng.	6,95	Phải thu từ khu đất và nhà xưởng tại KCN Long Đức của Thibidi
Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh Hồ Chí Minh	83.758.645.785	Kỳ hạn vay tối đa 05 tháng. Lãi trả hàng tháng.	3,9 - 4,3	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Tây Hà Nội	74.339.100.000	Kỳ hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 6 năm 2023.	8,0 - 9,0	Đảm bảo bằng tài sản cố định là nhà máy, nhà xưởng.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	70.109.736.473	Kỳ hạn vay 9 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 9 năm 2023	3,9 - 12,4	Máy móc thiết bị, hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ các phương án do Ngân hàng tài trợ và các hợp đồng tiền gửi có tổng trị giá 13.742.200.000 VND
Ngân hàng Bangkok Bank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	65.000.000.000	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả khi đáo hạn. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 3 năm 2023	7,9	Tín chấp
Ngân hàng Sinopac Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	59.155.210.166	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 25 tháng 4 năm 2023	5,75 - 8,85	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 221007-HDBL ngày 26/07/2022 giữa GELEX và Ngân hàng Sinopac
Ngân hàng Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 01 năm 2023	6,7	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Leong Việt Nam	47.381.080.172	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 01 năm 2023.	9,5	Tín chấp

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau (Tiếp theo):

	VND		Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			%/năm	
Ngân hàng Shinhan Việt Nam Chi nhánh Phạm Hùng	37.367.581.947	Kỳ hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 6 năm 2023	6,58 - 9	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh KCN Biên Hòa	26.437.448.144	Kỳ hạn vay tối đa 06 tháng. Lãi trả hàng tháng.	4,5 - 5,5	Bao gồm một số tài sản cố định, bất động sản đầu tư, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị đảm bảo là 350.000.000.000 VND và nợ phải thu của Công ty Cổ phần Thiết bị điện với giá trị đảm bảo là 150.000.000.000 VND
Ngân hàng Bank Sinopac Việt Nam	25.226.598.413	Kỳ hạn vay 06 tháng, lãi trả hàng tháng	3,4 - 3,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội	18.777.585.167	Kỳ hạn vay 6 tháng - 9 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 02 năm 2023	6,9	Khoản cấp tín dụng được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có tổng trị giá 5.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Sở giao dịch	17.260.872.770	Thời hạn vay tối đa 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2023.	8,0	Quyền đòi nợ của EMIC
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	15.261.878.495	Kỳ hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 01 năm 2023	7,86	Đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	12.500.672.657	Kỳ hạn vay tối đa 06 tháng. Lãi trả hàng tháng.	4,8 - 8,54	Tín chấp
Ngân hàng TNHH CTBC Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.362.192.686	Kỳ hạn vay 180 ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 01 năm 2023.	9,2	Không
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	1.282.554.962	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 4 năm 2023	8,7	Tín chấp
Tổng cộng	2.347.533.664.067			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	VND		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu phát hành (i)	859.164.151.857	859.164.151.857	395.561.700.843	859.164.151.857	395.561.700.843	395.561.700.843
Vay ngân hàng (ii)	4.722.637.779.439	4.722.637.779.439	663.207.946.256	616.488.348.548	4.769.357.377.147	4.769.357.377.147
Vay các bên liên quan (iii) (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	1.408.125.000.000	1.408.125.000.000	800.000.000.000	1.073.750.000.000	1.134.375.000.000	1.134.375.000.000
Vay đối tượng khác (iv)	-	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
	6.989.926.931.296	6.989.926.931.296	1.873.769.647.099	2.549.402.500.405	6.314.294.077.990	6.314.294.077.990
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	876.004.019.948				1.154.464.104.918	
Số phải trả sau 12 tháng	6.113.922.911.348				5.159.829.973.072	

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

	VND		Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		%/năm	
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (*)	400.000.000.000	-	Tháng 12 năm 2026. Gốc trái phiếu được trả lần lượt theo tỷ lệ 20%, 20% và 60% cho từng thời điểm tròn 12 tháng, 24 tháng kể từ ngày phát hành và ngày đáo hạn. Lãi suất được trả định kỳ 3 tháng.	Năm đầu tính lãi 7,5%, các năm tiếp theo là lãi suất tham chiếu +/- 3%/năm	15.000.000 Cổ phần CAV thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	650.000.000.000	Tháng 9 năm 2023, lãi trả 6 tháng 1 lần	9,0	30.289.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera - CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX.
Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital	-	220.000.000.000			
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.438.299.157)	(10.835.848.143)			
TỔNG CỘNG	395.561.700.843	859.164.151.857			
Trong đó:					
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	160.000.000.000	217.706.007.910			
- Trái phiếu dài hạn	235.561.700.843	641.458.143.947			

(*) Trong tháng 01 và 02 năm 2023, Công ty Cổ phần Thiết bị điện đã hoàn Thành việc mua lại 200 tỷ VND trái phiếu đã phát hành của lô trái phiếu THIH2126001. Trong đó:

- 80 tỷ VND được mua lại trước hạn định kỳ tại ngày 03 tháng 01 năm 2023;
- 120 tỷ VND được mua lại trước hạn tại ngày 24 tháng 02 năm 2023 theo Nghị Quyết số 03/2023/NQ-HĐQT ngày 07/2/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị điện.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

			Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	1.356.125.470.514	1.090.000.000.000	Kỳ hạn vay 3 năm. Lãi vay trả 3 tháng/lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024	8,52 - 8,54	114.000.000 Cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. 10.000.000 cổ phiếu THI (Công ty cổ phần Thiết bị điện) thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	1.080.341.978.940	1.124.031.259.841	Thời hạn vay tối đa 150 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Gốc vay thanh toán hàng quý. Lãi vay thanh toán hàng tháng.	10,2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện gió Gelex 1, 2, 3 và thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Ngân hàng Landesbank Baden - Wurttemberg	880.993.297.602	934.496.450.737	Thời hạn vay đến ngày 31 tháng 3 năm 2033, gốc vay được thanh toán 6 tháng một lần. Lãi vay được thanh toán hàng tháng	3,4682	Thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An.
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	629.464.823.000	677.464.823.000	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028, lãi vay trả hàng tháng	6,9 - 10	Tài sản thuộc công trình Thủy điện Sông Bung 4A
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	169.265.637.925	117.025.800.000	Khoản vay có thời hạn cho vay 5 năm. Lãi vay trả hàng tháng, trả gốc hàng tháng chia đều cho 48 tháng bắt đầu từ tháng 9 năm 2022. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 8 năm 2026	6,8	Khoản trả trước tiền thuê đất và nhà xưởng hình thành trong tương lai ở nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của THIBIDI
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	150.202.052.302	107.324.021.659	Kỳ hạn vay 72 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 8 năm 2027	9,0	“Nhà máy sản xuất dây đồng” và công trình phụ trợ; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu Công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của CFT và thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX – Công ty mẹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(ii) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau (Tiếp theo):

			Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	143.553.760.000	172.264.512.000	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 06 tháng 11 năm 2027	8,5 - 10	Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại các Dự án Điện mặt trời trên mái nhà, quyền đòi nợ từ hợp đồng mua bán điện và Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam)	108.584.453.343	92.029.629.203	Kỳ hạn vay 84 tháng nhằm mục đích tài trợ cho dự án "Cadivi Tower". Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 30 tháng 6 năm 2027	5,7%/năm cộng với Chi phí vốn của Ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản tại 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam)	95.294.692.435	129.826.280.712	Kỳ hạn vay 72 tháng nhằm mục đích tài trợ cho dự án "Nâng cao năng lực sản xuất cấp trung thế ngầm tại Nhà máy Cadivi Sài Gòn", dự án "Sản xuất sản phẩm mới cấp nhôm siêu nhiệt". Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 13 tháng 10 năm 2025	3,25% cộng với Chi phí vốn của Ngân hàng	Máy móc, thiết bị tại nhà máy Miền Bắc, Cadivi Sài Gòn, Cơ sở 2 - Cadivi Miền Đông, tất cả các khoản thanh toán hiện tại và tương lai tại Ngân hàng và Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam)	84.340.864.943	129.988.909.087	Kỳ hạn vay 84 tháng nhằm mục đích tài trợ cho dự án "Xây dựng nhà máy PVC mới". Lãi và gốc vay trả hàng quý đến ngày 11 tháng 12 năm 2026	3,25%/năm cộng chi phí vốn của Ngân hàng	Nhà xưởng 1, 2 và 3; tất cả máy móc, thiết bị thuộc dự án PVC và dự án mở rộng nhà máy tại Khu Công nghiệp Long Thành Đồng Nai, tất cả các khoản thanh toán hiện tại và tương lai tại Ngân hàng, quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất là Tòa nhà Cadivi Tower tại 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa và thư bảo lãnh công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(ii) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau (Tiếp theo):

			Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	53.892.217.553	71.856.290.071	Kỳ hạn vay 72 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2025	2,0% cộng lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị tại nhà máy Cadivi Miền Trung, Khu công nghiệp Hòa Cẩm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	9.981.948.888	11.717.940.000	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng quý, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 04 tháng 8 năm 2028	9,5	Quyền tài sản và lợi ích phát sinh từ Dự án mở rộng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3 và mua sắm thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	3.979.849.293	5.751.808.129	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối đáo hạn ngày 05 tháng 9 năm 2026	10,4	Toàn bộ hệ thống, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất cánh tản nhiệt hình thành từ vốn vay, các tài sản theo hợp đồng thế chấp đi kèm.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sở giao dịch 1	3.336.330.409	-	Kỳ hạn 84 tháng, bắt đầu từ ngày 30 tháng 12 năm 2022, thời gian ân hạn 18 tháng, lãi vay trả mỗi 3 tháng	9,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Nam	-	40.150.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	18.710.055.000			
TỔNG CỘNG	4.769.357.377.147	4.722.637.779.439			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	920.714.104.918	584.548.012.038			
Vay dài hạn	3.848.643.272.229	4.138.089.767.401			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(iii) Chi tiết các khoản vay bên liên quan như sau:

			Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	600.000.000.000	-	Thời hạn vay 24 tháng, khoản vay cuối cùng đáo hạn tháng 11 năm 2024. Lãi thanh toán mỗi 6 tháng	10	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	534.375.000.000	608.125.000.000	Thời hạn cho vay 120 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 12 năm 2029. Lãi vay và gốc vay được trả hàng quý	9,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	800.000.000.000			
TỔNG CỘNG	1.134.375.000.000	1.408.125.000.000			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	73.750.000.000	73.750.000.000			
Vay dài hạn	1.097.500.000.000	1.334.375.000.000			

(iv) Chi tiết các khoản vay đối tượng khác như sau:

			Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm	
Công ty Cổ phần Dây đồng TSM	15.000.000.000	-	Thời hạn vay 18 tháng. Tiền lãi được thanh toán định kỳ hàng tháng.	11	Tín chấp
TỔNG CỘNG	15.000.000.000	-			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-			
Vay dài hạn	15.000.000.000	-			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn và gốc trái phiếu phát hành (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu) được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.154.464.104.918	878.298.012.038
Trong năm thứ hai	2.088.856.859.188	1.647.628.793.366
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.765.590.404.039	2.772.061.515.118
Sau năm năm	1.305.382.709.845	1.702.774.458.916
	6.314.294.077.990	7.000.762.779.438
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.154.464.104.918	878.298.012.038
Số phải trả sau 12 tháng	5.159.829.973.072	6.122.464.767.400

25. Dự phòng phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	76.745.966.681	72.431.904.172
Dự phòng chi phí di dời nhà máy	-	14.547.500.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	11.452.844.511	11.884.827.011
	88.198.811.192	98.864.231.183
b. Dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	71.193.481.940	77.575.687.978
Dự phòng phải trả dài hạn khác	2.158.766.165	4.115.605.585
	73.352.248.105	81.691.293.563

26. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lợi nhuận chưa thực hiện khác	6.030.700.632	13.408.319.856
Trích lập các khoản dự phòng	5.640.585.973	8.338.468.303
Chi phí lãi vay không được trừ	3.742.412.347	3.154.825.436
Các khoản khác	687.531.244	347.779.465
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.101.230.196	25.249.393.060
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	6.451.798.811	7.598.440.505
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.451.798.811	7.598.440.505

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

27. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.218.700.000.000	-	464.368.621.259	5.000.000.000	425.614.619.273	520.427.289.650	3.634.110.530.182
Tăng vốn trong năm	781.300.000.000	835.287.500.000	-	-	-	-	1.616.587.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	565.867.041.019	88.921.937.997	654.788.979.016
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(110.935.000.000)	(63.162.376.000)	(174.097.376.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.322.273.863)	(1.777.816.807)	(18.100.090.670)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(58.457.012)	(661.542.988)	(720.000.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	(15.257.476.186)	(11.367.574.215)	(26.625.050.401)
Mua công ty con	-	-	61.494.842.289	-	-	164.414.618.319	225.909.460.608
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	9.208.352.975	62.463.739.956	71.672.092.931
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	525.863.463.548	5.000.000.000	858.116.806.206	759.258.275.912	5.983.526.045.666
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	880.462.911.763	91.142.019.801	971.604.931.564
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	(780.000.000.000)	(106.067.442.500)	(886.067.442.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(8.625.261.056)	(927.291.217)	(9.552.552.273)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	(39.340.214.521)	(100.068.585.479)	(139.408.800.000)
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	9.555.774.371	66.252.102.994	75.807.877.365
Thành lập công ty con	-	-	-	-	-	4.900.000.000	4.900.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	(265.782.727)	(119.885.089)	(385.667.816)
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	525.863.463.548	5.000.000.000	919.904.234.036	714.369.194.422	6.000.424.392.006

(i) Cổ tức công bố trong năm bao gồm:

- Cổ tức năm 2021 được Công ty chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 20/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2022 và số 22/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2022.

- Cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2022 được Công ty thực hiện tạm ứng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 48/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022.

- Chia cổ tức năm 2021 và tạm ứng năm 2022 tại các công ty con theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của các công ty con này.

(ii) Theo nội dung phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và các công ty con, Nhóm Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000		300.000.000	
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000		300.000.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000		300.000.000	
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000		300.000.000	

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80,0%	2.399.956.000.000	80,0%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	165.000.000.000	5,5%	165.000.000.000	5,5%
Các cổ đông khác	435.044.000.000	14,5%	435.044.000.000	14,5%
	3.000.000.000.000	100%	3.000.000.000.000	100%

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ

Ngoại tệ các loại	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	1.183.305,13	6.178.996,00
Euro	EUR	41.068,57	6.262,00
Đô la Úc	AUD	150,00	-

Công ty đang dùng 34.436.985 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CAV) và 18.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THI) do Công ty sở hữu để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX phát hành.

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
Doanh thu bán thành phẩm	13.788.814.245.277		17.406.793.446.497	
Doanh thu bán hàng hóa	2.008.285.684.719		864.048.854.367	
Doanh thu bán điện	783.667.495.017		127.507.903.928	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	215.085.432.393		191.909.436.488	
Doanh thu xây lắp	-		187.839.878.198	
Doanh thu khác	26.970.822.617		69.659.389.707	
	16.822.823.680.023		18.847.758.909.185	
Các khoản giảm trừ doanh thu				
a. Chiết khấu thương mại	150.655.634.787		132.083.898.569	
b. Giảm giá hàng bán	7.432.912.622		1.430.649.471	
c. Hàng bán bị trả lại	62.595.000		38.500.000	
	158.151.142.409		133.553.048.040	
	16.664.672.537.614		18.714.205.861.145	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Trong đó:				
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	16.617.554.028		32.966.671.816	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	11.997.542.148.812	15.663.004.954.544
Giá vốn bán hàng hóa	1.953.195.977.967	815.686.745.939
Giá vốn bán điện	431.283.520.443	54.616.435.792
Giá vốn cung cấp dịch vụ	148.867.796.821	135.852.958.567
Giá vốn xây lắp	-	162.292.629.955
Giá vốn khác	8.774.645.696	58.849.776.675
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.017.626.389	(6.219.769.543)
	14.550.681.716.128	16.884.083.731.929

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.193.812.801.031	12.885.854.880.478
Chi phí nhân công	589.727.700.918	625.660.196.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	632.939.301.567	326.361.941.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.788.361.808	506.649.599.984
Chi phí khác bằng tiền	347.890.211.035	340.520.598.266
	14.263.158.376.359	14.685.047.216.717

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi bán các khoản đầu tư	503.981.331.314	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	181.608.123.100	118.120.497.200
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	55.582.880.276	81.220.283.915
Lãi chênh lệch tỷ giá	35.342.385.784	37.827.956.204
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	43.584.568.793	77.046.070.539
Lãi kinh doanh chứng khoán	6.491.835.565	61.843.472.127
Lãi ký quỹ	-	13.233.760.148
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14.032.510.719	5.578.492.717
	840.623.635.551	394.870.532.850

33. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	704.344.562.970	502.513.939.524
Chi phí lãi mua hàng trả chậm và phí LC UPAS	217.128.839.567	194.015.121.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá	89.404.167.806	12.147.128.705
Lỗ nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro biến động giá	83.236.048.627	-
Chi phí bảo lãnh vay vốn và các phí khác liên quan đến khoản vay	14.857.409.011	7.900.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	11.847.548.986	13.876.823.017
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	7.545.805.824
Chi phí tài chính khác	7.624.468.211	6.444.262.806
	1.128.443.045.178	744.443.081.249

34. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	181.964.306.462	161.828.118.196
Phân bổ lợi thế thương mại	29.503.444.409	24.216.330.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.527.892.566	16.448.007.262
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng	(11.919.352.509)	1.723.197.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.580.757.882	74.054.332.651
Chi phí khác	110.581.518.560	109.180.229.503
	408.238.567.370	387.450.215.643
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	85.276.063.322	84.993.445.107
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.097.377.677	40.172.648.019
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng bảo hành	(114.925.286)	26.398.928.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.682.762.962	7.100.818.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.469.758.840	120.480.569.795
Chi phí khác	93.333.801.788	81.711.937.497
	348.744.839.303	360.858.347.287

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

35. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	16.994.720.123	3.036.083.063
Thu nợ lãi quá hạn	7.788.006.675	-
Thu nhập từ bán phế liệu	6.525.000.000	-
Thu hồi công nợ đã xóa sổ	4.120.833.228	41.581.553.000
Phạt vi phạm hợp đồng	-	10.126.380.213
Các khoản khác	5.139.010.104	4.740.526.883
Tổng	40.567.570.130	59.484.543.159

36. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	140.747.641.889	177.074.181.774
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8.001.521.170	(13.857.407.490)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	148.749.163.059	163.216.774.284

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	880.462.911.763	565.867.041.019
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thù lao Hội đồng Quản trị (VND) (i)	-	(8.625.261.056)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	880.462.911.763	557.241.779.963
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	300.000.000	248.198.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.935	2.245

(i) Theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thu nhập của Hội đồng Quản trị được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định trên cơ sở loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 được trích lập theo phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ và các công ty con trong năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

38. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	Công ty liên kết
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty sứ Viglacera Bình Dương- Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera- CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Kính nổi Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ Khí Và Xây Dựng Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông lớn/Bên liên quan của thành viên HĐQT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.617.554.028	32.966.671.816
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	7.580.363.400	32.846.671.816
Công ty TNHH Điện gió Hường Phùng	7.069.931.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.161.558.158	120.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	460.544.470	-
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	218.857.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	86.500.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	38.000.000	-
Công ty sứ Viglacera Bình Dương- Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera- CTCP	1.800.000	-
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	2.419.753.596.536	5.405.069.825.717
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.377.277.618.336	5.318.201.022.246
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	40.504.078.034	85.829.677.987
Công ty Kính nổi Viglacera	760.354.445	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	645.178.074	1.039.125.484
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	228.261.413	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	177.574.330	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	160.531.904	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	181.608.123.100	107.942.205.500
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	113.316.487.500	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	44.027.224.600	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	24.264.411.000	12.132.205.500
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	95.810.000.000
Cổ tức đã trả	686.388.560.000	110.932.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	623.988.560.000	110.932.800.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	42.900.000.000	-
Công ty Cổ phần GVI	19.500.000.000	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	193.119.910
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	-	193.119.910
Bán trái phiếu	-	46.695.671.340
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	46.695.671.340
Cho vay	110.000.000.000	1.085.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	110.000.000.000	1.085.000.000.000
Thu hồi gốc vay	390.000.000.000	824.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	390.000.000.000	805.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	19.000.000.000
Lãi cho vay	9.620.821.920	25.483.753.428
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	9.620.821.920	25.483.753.428
Đi vay	1.360.000.000.000	2.833.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.360.000.000.000	2.833.000.000.000
Trả gốc vay	1.633.750.000.000	2.530.323.096.054
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.633.750.000.000	2.530.323.096.054
Lãi đi vay	87.861.939.210	74.974.482.545
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	87.861.939.210	74.974.482.545
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	-	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	300.000.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu hồi ký cược, ký quỹ	-	460.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	460.000.000.000
Lãi ký quỹ	-	13.233.760.148
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	13.233.760.148
Lãi mua hàng trả chậm	36.427.127.828	45.225.716.586
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	36.427.127.828	45.225.716.586
Nhận vốn góp	-	181.300.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	181.300.000.000
Góp vốn	-	1.771.644.295.436
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	1.771.644.295.436
Nhận chuyển nhượng phần vốn góp	-	2.024.375.161.707
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	2.024.375.161.707
Lãi trái phiếu thương mại	30.205.479.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	30.205.479.000	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư	1.240.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	720.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	520.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.734.792.625	55.396.080.980
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	1.908.881.370	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	590.663.800	2.169.080.980
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Và Xây Dựng Viglacera	164.809.855	-
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	70.437.600	-
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	-	53.227.000.000
Trả trước cho người bán	1.076.012.697	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.048.512.697	-
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	27.500.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	280.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	280.000.000.000
Phải thu khác	-	4.315.714.530
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	4.213.698.627
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	-	91.057.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	10.958.903
Phải trả người bán ngắn hạn	130.129.107.359	1.164.419.941.940
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	92.106.174.396	1.090.120.889.177
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	38.013.562.772	74.287.506.372
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	9.370.191	11.546.391

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán dài hạn	9.259.078.400	9.259.078.400
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	9.259.078.400	9.259.078.400
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.637.257.627	19.637.257.627
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	19.637.257.627	19.637.257.627
Phải trả khác	10.958.904.109	125.926.334
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	10.958.904.109	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	-	125.926.334
Vay dài hạn đến hạn trả	73.750.000.000	73.750.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	73.750.000.000	73.750.000.000
Vay dài hạn	1.060.625.000.000	1.334.375.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.060.625.000.000	1.334.375.000.000
Chi phí phải trả	25.085.729	300.000.000
Công ty TNHH Điện gió Hường Phùng	25.085.729	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	300.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	5.600.000.000	3.531.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	2.058.622.725	1.457.583.333
Thù lao Ban kiểm soát (iii)	240.000.000	60.000.000
	7.898.622.725	5.048.583.333

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	720.000.000	-
Nguyễn Văn Tuấn	240.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiểu	120.000.000	-
Đỗ Duy Hưng	120.000.000	-
Đặng Phan Tường	120.000.000	-
Nguyễn Trọng Trung	80.000.000	-
Lê Quang Định	40.000.000	-

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	4.880.000.000	3.531.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	20.000.000	9.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	1.820.000.000	2.335.000.000
Đỗ Duy Hưng	1.520.000.000	582.000.000
Đặng Phan Tường	1.520.000.000	582.000.000
Lê Quang Định	-	9.000.000
Nguyễn Trần Đăng Phước	-	7.000.000
Nguyễn Quốc Vinh	-	7.000.000
Tổng cộng	5.600.000.000	3.531.000.000

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác		
Nguyễn Trọng Trung	431.000.000	450.000.000
Các thành viên quản lý khác	1.627.622.725	1.027.119.697
	2.058.622.725	1.477.119.697

(iii) Thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao		
Nguyễn Thị Huyền	120.000.000	30.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	60.000.000	15.000.000
Tiêu Thị Dung	60.000.000	15.000.000
	240.000.000	60.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

39. Báo cáo bộ phận

Nhóm Công ty chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- Sản xuất và kinh doanh năng lượng điện;
- Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Nhóm Công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.854.034.219.980	783.667.495.017	26.970.822.617	16.664.672.537.614
Kết quả				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(14.110.623.549.989)	(431.283.520.443)	(8.774.645.696)	(14.550.681.716.128)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.743.410.669.991	352.383.974.574	18.196.176.921	(14.550.681.716.128)
Chi phí không phân bổ				2.113.990.821.486
Lợi nhuận thuần trước thuế				(993.636.726.863)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.120.354.094.623
Lợi nhuận thuần sau thuế				(148.639.994.731)
				971.714.099.892
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	9.248.016.221.883	5.160.294.432.932	-	14.408.310.654.815
Tài sản không phân bổ				3.011.312.505.211
Tổng tài sản				17.419.623.160.026
Nợ phải trả bộ phận	7.028.789.820.495	3.272.717.378.513	-	10.301.507.199.008
Nợ phải trả không phân bổ				1.114.672.521.734
Tổng Nợ phải trả				11.416.179.720.742

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Sản xuất và kinh doanh năng lượng (điện)	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.329.198.689.312	127.507.903.928	257.499.267.905	18.714.205.861.145
Kết quả				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(16.608.324.889.507)	(54.616.435.792)	(221.142.406.630)	(16.884.083.731.929)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.720.873.799.805	72.891.468.136	36.356.861.275	1.830.122.129.216
Chi phí không phân bổ				(1.012.116.375.916)
Lợi nhuận thuần trước thuế				818.005.753.300
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				163.216.774.284
Lợi nhuận thuần sau thuế				654.788.979.016
Tài sản				
Tài sản bộ phận	12.608.056.035.540	5.679.053.257.932	-	18.287.109.293.472
Tài sản không phân bổ				4.836.679.986.930
Tổng tài sản				23.123.789.280.402
Nợ phải trả bộ phận	11.482.914.093.946	3.636.013.587.750	-	15.118.927.681.696
Nợ phải trả không phân bổ				2.017.468.505.770
Tổng Nợ phải trả				17.136.396.187.466

40. Các khoản cam kết

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	30.438.986.820	27.043.804.807
Trên 1 năm đến 5 năm	115.787.858.282	99.071.144.878
Trên 5 năm	364.293.690.734	389.055.539.543
	510.520.535.836	515.170.489.228

41. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Đến ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã mua thêm 250.328 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THI), nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ tại THI lên mức 44.514.927, tương ứng với 91,22% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết. Cũng tại ngày này, Công ty đã mua thêm 64.456 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (CAV), nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ tại CAV lên mức 55.453.091, tương ứng với 96,46% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

Bùi Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Ngày 07 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nguyễn Trọng Trung

Tổng Giám đốc

Phụ lục 01 - Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	82/2021/GE/NQ-HĐQT	04/01/2022	Phương án kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý, nhân sự CTCP GELEX Quảng Trị	100%
2	83/2021/GE/NQ-HĐQT	04/01/2022	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người liên quan năm 2022	100%
3	01/2022/GE/NQ-HĐQT	07/01/2022	Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Phát điện GELEX	100%
4	02/2022/GE/NQ-HĐQT	07/01/2022	Cử người đại diện vốn của Công ty tại Công ty TNHH Phát điện GELEX	100%
5	03/2022/GE/NQ-HĐQT	07/01/2022	Cho ý kiến với Người đại diện vốn về các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của CTCP năng lượng GELEX Quảng Trị	100%
6	04/2022/GE/NQ-HĐQT	18/01/2022	Bãi bỏ Nghị quyết số 80/2021/GE/NQ-HĐQT	100%
7	04A/2022/GE/NQ-HĐQT	18/01/2022	Chủ trương thoái một phần vốn của Công ty tại CTCP Hạ tầng GELEX	100%
8	05/2022/GE/NQ-HĐQT	23/02/2022	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
9	06/2022/GE/NQ-HĐQT	10/03/2022	Thông qua đề xuất về phương án nhân sự tại Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	100%
10	07/2022/GE/NQ-HĐQT	10/03/2022	Cho ý kiến với Người đại diện các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 CTCP Thiết bị đo điện EMIC.	100%
11	08/2022/GE/NQ-HĐQT	10/03/2022	Cho ý kiến với Người đại diện các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội.	100%
12	09/2022/GE/NQ-HĐQT	10/03/2022	Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	100%
13	10/2022/GE/NQ-HĐQT	11/03/2022	Cho ý kiến với Người đại diện các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 CTCP Dây cáp điện Việt Nam	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	11/2022/GE/NQ-HĐQT	11/03/2022	Cho ý kiến với Người đại diện các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 CTCP Thiết bị điện.	100%
15	11A/2022/GE/NQ-HĐQT	11/03/2022	Bố trí lại nhân sự tham gia HĐQT và BKS tại các công ty cổ phần của Công ty	100%
16	11B/2022/GE/NQ-HĐQT	11/03/2022	Nhất trí đề xuất các nội dung chính trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 CTCP Phú Thạnh Mỹ.	100%
17	12/2022/GE/NQ-HĐQT	25/03/2022	Thông qua kế hoạch, chương trình và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2022 của Công ty	100%
18	13/2022/GE/NQ-HĐQT	29/03/2022	Phê duyệt phương án và việc ký kết, thực hiện giao dịch thoái một phần vốn của Công ty tại CTCP Hạ tầng GELEX.	100%
19	14/2022/GE/NQ-HĐQT	31/03/2022	Phê duyệt phương án và việc ký kết, thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần CTCP sản xuất Thiết bị điện Đông Anh do Công ty CP Thiết bị điện sở hữu.	100%
20	14A/2022/GE/NQ-HĐQT	04/04/2022	Cho ý kiến với người đại diện vốn về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 của CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội.	100%
21	15/2022/GE/NQ-HĐQT	07/04/2022	Sửa đổi, bổ sung chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
22	16/2022/GE/NQ-HĐQT	07/04/2022	Danh sách ứng viên hợp lệ tham gia bầu cử HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, danh sách Ban kiểm phiếu ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2022.	100%
23	17/2022/GE/NQ-HĐQT	18/04/2022	Phương án kiện toàn người đại diện vốn Công ty tại CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM) và cho ý kiến với người đại diện vốn về nhân sự HĐQT, TGD HEM	100%
24	18/2022/GE/NQ-HĐQT	19/04/2022	Góp vốn thành lập doanh nghiệp và cử người đại diện phần vốn Công ty tại CTCP Mua bán điện GELEX.	100%

Phụ lục 01 - Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	19/2022/GE/NQ-HĐQT	19/04/2022	Phê duyệt cập nhật các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện gió GELEX 1, GELEX 2, GELEX 3	100%
26	20/2022/GE/NQ-HĐQT	19/04/2022	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 trong năm 2022	100%
27	21/2022/GE/NQ-HĐQT	05/05/2022	Mua lại trước hạn trái phiếu GE062019	100%
28	21A/2022/GE/NQ-HĐQT	19/05/2022	Cho ý kiến với người đại diện phần vốn Công ty tại CTCP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) điều chỉnh dự án CCV line nâng cao năng lực sản xuất cáp trung thế tại CADIVI.	100%
29	21B/2022/GE/NQ-HĐQT	20/05/2022	Thông qua đầu tư dự án công trình văn phòng làm việc trụ sở Công ty.	100%
30	21C/2022/GE/NQ-HĐQT	20/05/2022	Thông qua mức thù lao và việc chi trả thù lao HĐQT Công ty năm 2022.	100%
31	21D/2022/GE/NQ-HĐQT	20/05/2022	Thông qua phương án bố trí nhân sự tại CTCP Mua bán điện GELEX	100%
32	21E/2022/GE/NQ-HĐQT	20/05/2022	Về việc mức lương thành viên HĐQT chuyên trách của Công ty	100%
33	22/2022/GE/NQ-HĐQT	26/05/2022	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 trong năm 2022.	100%
34	23/2022/GE/NQ-HĐQT	02/06/2022	Thông qua việc thế chấp tài sản của Công ty để đảm bảo cho nghĩa vụ của CTCP Tập đoàn GELEX trong giao dịch phát hành và chào bán trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi.	100%
35	24/2022/GE/NQ-HĐQT	21/06/2022	Phát hành cam kết bảo lãnh cho Hợp Đồng Cấp Tín Dụng của CTCP Thiết bị đo điện EMIC tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp. Hà Nội.	100%
36	25/2022/GE/NQ-HĐQT	21/06/2022	Phát hành cam kết bảo lãnh cho Hợp Đồng Tín Dụng của CTCP Thiết bị đo điện EMIC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
37	26/2022/GE/NQ-HĐQT	21/06/2022	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022.	100%
38	27/2022/GE/NQ-HĐQT	27/06/2022	Thông qua đầu tư dự án SAP ERP cho CFT	100%
39	28/2022/GE/NQ-HĐQT	3/07/2022	Phương án bố trí người đại diện phần vốn và cho ý kiến về bố trí nhân sự một số vị trí quản lý điều hành tại CTCP sản xuất thiết bị điện Đông Anh.	100%
40	29/2022/GE/NQ-HĐQT	28/07/2022	Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đầu tư di dời nhà máy SX dây đồng CFT	100%
41	30/2022/GE/NQ-HĐQT	05/08/2022	Cho ý kiến với người đại diện vốn về chủ trương nhượng quyền thương hiệu MBA và bổ sung ngành nghề kinh doanh của HEM.	100%
42	31/2022/GE/NQ-HĐQT	15/08/2022	Chủ trương ký hợp đồng với CTCP Chứng khoán SSI-CN HN nghiên cứu, tư vấn PA tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của CADIVI, THIBIDI, HEM.	100%
43	32/2022/GE/NQ-HĐQT	09/09/2022	Cho ý kiến về chuyển lợi nhuận, tạm ứng cổ tức về chủ sở hữu/cổ đông năm 2022 của nhóm công ty phát điện.	100%
44	33/2022/GE/NQ-HĐQT	16/09/2022	Ban hành Quy chế Người đại diện vốn của Công ty tại các Doanh nghiệp (ban hành mới lần 2).	100%
45	34/2022/GE/NQ-HĐQT	16/09/2022	Ban hành mới hệ thống phân quyền của HĐQT Công ty.	100%
46	35/2022/GE/NQ-HĐQT	19/09/2022	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
47	36/2022/GE/NQ-HĐQT	21/09/2022	Cho ý kiến với người đại diện tại CADIVI về việc điều chỉnh dự án CCV - Line.	100%
48	37/2022/GE/NQ-HĐQT	21/09/2022	Thay đổi nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty và công tác nhân sự tại một số công ty con của Công ty.	100%
49	38/2022/GE/NQ-HĐQT	21/09/2022	Thống nhất phương án thay đổi nhân sự một số ban chuyên môn Công ty.	100%

Phụ lục 01 - Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
50	39/2022/GE/NQ-HĐQT	30/09/2022	Cho ý kiến để Người đại diện vốn tại CADIVI biểu quyết bổ nhiệm nhân sự kiểm sát viên của CADIVI Đồng Nai.	100%
51	40/2022/GE/NQ-HĐQT	04/10/2022	Thay đổi nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty và cho ý kiến về công tác nhân sự tại THIBIDI.	100%
52	41/2022/GE/NQ-HĐQT	14/10/2022	Tổ chức nhân sự thực hiện công tác kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
53	42/2022/GE/NQ-HĐQT	14/10/2022	Thông qua tài liệu xin ý kiến cổ đông Công ty bằng văn bản.	100%
54	43/2022/GE/NQ-HĐQT	20/10/2022	Thực hiện chào mua công khai và phê duyệt phương án chào mua công khai cổ phiếu của CTCP dây cáp điện Việt Nam	100%
55	44/2022/GE/NQ-HĐQT	20/10/2022	Thực hiện chào mua công khai và phê duyệt phương án chào mua công khai cổ phiếu của CTCP thiết bị điện.	100%
56	45/2022/GE/NQ-HĐQT	20/10/2022	Đề xuất của Người đại diện phần vốn của Công ty tại HEM về việc bổ nhiệm Phó TGD HEM.	100%
57	46/2022/GE/NQ-HĐQT	09/11/2022	Cho ý kiến Người đại diện vốn tại THIBIDI biểu quyết về việc Phó TGD THIBIDI thôi nhiệm.	100%
58	47/2022/GE/NQ-HĐQT	16/11/2022	Thông qua mẫu con dấu mới	100%
59	48/2022/GE/NQ-HĐQT	24/11/2022	Tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1 bằng tiền	100%
60	49/2022/GE/NQ-HĐQT	24/11/2022	Cho ý kiến vv điều chỉnh sơ đồ tổ chức THIBIDI.	100%
61	50/2022/GE/NQ-HĐQT	24/11/2022	Cho ý kiến với Người đại diện về phương án nhân sự TGD EMIC	100%
62	51/2022/GE/NQ-HĐQT	24/11/2022	Cho ý kiến với Người đại diện tại Mua bán điện GELEX liên quan đến thành lập CTCP Mua bán điện GELEX Hưng Yên	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
63	51A/2022/GE/NQ-HĐQT	24/11/2022	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.	100%
64	52/2022/GE/NQ-HĐQT	07/12/2022	Sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết 44 về việc thực hiện chào mua công khai và phê duyệt phương án chào mua công khai cổ phiếu THIBIDI.	100%
65	53/2022/GE/NQ-HĐQT	07/12/2022	Thực hiện chào mua công khai và phê duyệt Phương án chào mua công khai cổ phiếu của CADIVI	100%
66	54/2022/GE/NQ-HĐQT	08/12/2022	Cho ý kiến với người đại diện vốn Công ty tại THIBIDI	100%
67	55/2022/GE/NQ-HĐQT	13/12/2022	Cho ý kiến với Người đại diện tại MEE về các nội dung trình ĐHCĐ bất thường MEE và phương án để cử nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027 tại MEE, cử người đại diện tại MEE	100%
68	56/2022/GE/NQ-HĐQT	20/12/2022	Triển khai kế hoạch thoái cổ phần của Công ty tại CTCP hạ tầng GELEX.	100%
69	57/2022/GE/NQ-HĐQT	27/12/2022	Thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của CTCP Điện lực GELEX tại CTCP Hạ tầng GELEX.	100%
70	58/2022/GE/NQ-HĐQT	28/12/2022	Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh cho các CTTV và các giao dịch phát sinh liên quan năm 2023.	100%
71	59/2022/GE/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan 2023	100%
72	01/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty	100%
73	02/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Bổ trí lại người tham gia Ban kiểm soát CTCP Thiết bị điện.	100%
74	03/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty tại CTCP Thiết bị điện.	100%

Phụ lục 01 - Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
75	04/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Bổ trí lại người đại diện phần vốn của Công ty tại CTCP Thiết bị điện	100%
76	05/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Bổ trí lại người đại diện phần vốn của Công ty tại CTCP Dây cáp điện Việt Nam.	100%
77	06/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty tại CTCP Dây cáp điện Việt Nam	100%
78	07/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Bổ trí lại người đại diện tham gia Ban kiểm soát CTCP Thiết bị đo điện EMIC.	100%
79	08/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Bổ trí lại người đại diện tham gia Ban kiểm soát CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội.	100%
80	09/2022/GE/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Phương án kiện toàn nhân sự đại diện vốn tại CTCP Phú Thạnh Mỹ và cho ý kiến với chủ tịch Công ty TNHH Phát điện GELEX cũ, giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT, BKS, BDH Công ty CP Phú Thạnh Mỹ.	100%
81	9A/2022/GE/QĐ-HĐQT	01/04/2022	Về mức lương Kế toán trưởng Công ty	100%
82	10/2022/GE/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Góp vốn thành lập doanh nghiệp - Công ty CP Mua bán điện GELEX	100%
83	11/2022/GE/QĐ-HĐQT	20/05/2022	Mức lương đối với ông Nguyễn Trọng Tiểu - TV HĐQT chuyên trách Công ty.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
84	12/2022/GE/QĐ-HĐQT	20/05/2022	Mức lương đối với ông Đỗ Duy Hưng - TV HĐQT chuyên trách Công ty.	100%
85	13/2022/GE/QĐ-HĐQT	20/05/2022	Mức lương đối với ông Đặng Phan Tường- TV HĐQT chuyên trách Công ty.	100%
86	14/2022/GE/QĐ-HĐQT	13/07/2022	Ủy quyền đại diện phần vốn Công ty tại CTCP sản xuất thiết bị điện Đông Anh.	100%
87	15/2022/GE/QĐ-HĐQT	21/09/2022	Thay đổi Người đại diện vốn Công ty tại MEE	100%
88	16/2022/GE/QĐ-HĐQT	21/09/2022	Cử người đại diện vốn Công ty tại HEM	100%
89	17/2022/GE/QĐ-HĐQT	04/10/2022	Cử người đại diện vốn Công ty tại THIBDI	100%
90	17A/2022/GE/QĐ-HĐQT	05/12/2022	Ban hành Phụ lục sửa đổi bổ sung PL1 kèm theo NQ 33/2022/GEE/NQ-HĐQT.	100%
91	18/2022/GE/QĐ-HĐQT	13/12/2022	Phương án nhân sự tham gia HĐQT, BKS MEE nhiệm kỳ 2022 - 2027 và cử người đại diện phần vốn tại MEE.	100%

Phụ lục 02 – Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)																		
1	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX (GELEX)	Công ty mẹ	0100100512 Cấp ngày 28/12/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 - NQ số 23/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2022 - NQ số 57/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 27/12/2022	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu cung cấp dịch vụ</td> <td>360.000.000</td> </tr> <tr> <td>Mua hàng hóa và dịch vụ</td> <td>2.702.580.406</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức công bố</td> <td>623.988.560.000</td> </tr> <tr> <td>Đi vay</td> <td>1360.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Trả tiền vay</td> <td>1560.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi đi vay</td> <td>32.935.753.423</td> </tr> <tr> <td>Chuyển nhượng cổ phần</td> <td>720.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của GELEX</td> <td>38.436.985 cổ phiếu CAV, 18.000.000 cổ phiếu THI</td> </tr> <tr> <td>Nhận bảo lãnh từ GELEX</td> <td>2.410.000.000.000 VND; 49.000.000 USD</td> </tr> </table>	Doanh thu cung cấp dịch vụ	360.000.000	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.702.580.406	Cổ tức công bố	623.988.560.000	Đi vay	1360.000.000.000	Trả tiền vay	1560.000.000.000	Lãi đi vay	32.935.753.423	Chuyển nhượng cổ phần	720.000.000.000	Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của GELEX	38.436.985 cổ phiếu CAV, 18.000.000 cổ phiếu THI	Nhận bảo lãnh từ GELEX	2.410.000.000.000 VND; 49.000.000 USD
Doanh thu cung cấp dịch vụ	360.000.000																								
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.702.580.406																								
Cổ tức công bố	623.988.560.000																								
Đi vay	1360.000.000.000																								
Trả tiền vay	1560.000.000.000																								
Lãi đi vay	32.935.753.423																								
Chuyển nhượng cổ phần	720.000.000.000																								
Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của GELEX	38.436.985 cổ phiếu CAV, 18.000.000 cổ phiếu THI																								
Nhận bảo lãnh từ GELEX	2.410.000.000.000 VND; 49.000.000 USD																								
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty liên kết	0107652657 Cấp ngày 03/03/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu cung cấp dịch vụ</td> <td>180.000.000</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức nhận được</td> <td>113.316.487.500</td> </tr> <tr> <td>Hạ tầng sử dụng tài sản để thế chấp cho nghĩa vụ nợ của GEE</td> <td>114.000.000 cổ phiếu VGC</td> </tr> </table>	Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.000.000	Cổ tức nhận được	113.316.487.500	Hạ tầng sử dụng tài sản để thế chấp cho nghĩa vụ nợ của GEE	114.000.000 cổ phiếu VGC												
Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.000.000																								
Cổ tức nhận được	113.316.487.500																								
Hạ tầng sử dụng tài sản để thế chấp cho nghĩa vụ nợ của GEE	114.000.000 cổ phiếu VGC																								
3	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con	300381564; Cấp ngày 16/01/2020; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. HCM	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu cung cấp dịch vụ</td> <td>36.000.000</td> </tr> <tr> <td>Các khoản chi hộ</td> <td>76.345.500</td> </tr> <tr> <td>Mua hàng hóa dịch vụ</td> <td>552.901.554</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức nhận được</td> <td>332.331.810.000</td> </tr> </table>	Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000	Các khoản chi hộ	76.345.500	Mua hàng hóa dịch vụ	552.901.554	Cổ tức nhận được	332.331.810.000										
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000																								
Các khoản chi hộ	76.345.500																								
Mua hàng hóa dịch vụ	552.901.554																								
Cổ tức nhận được	332.331.810.000																								

Phụ lục 02 – Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)																												
4	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	3603058326; Cấp ngày 10/06/2019; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu bán hàng hóa</td> <td>1.416.838.731.796</td> </tr> <tr> <td>Lãi bán hàng trả chậm</td> <td>4.533.974.739</td> </tr> </table>	Doanh thu bán hàng hóa	1.416.838.731.796	Lãi bán hàng trả chậm	4.533.974.739																								
Doanh thu bán hàng hóa	1.416.838.731.796																																		
Lãi bán hàng trả chậm	4.533.974.739																																		
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THIBIDI)	Công ty con	3600253826; Cấp ngày 10/10/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hoà 1-Đường số 9-Phường An Bình-TP Biên Hoà-Tỉnh Đồng Nai-Việt Nam	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 - NQ số 14/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 31/3/2022	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu bán hàng hóa</td> <td>73.203.102.075</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu cung cấp dịch vụ</td> <td>36.000.000</td> </tr> <tr> <td>Các khoản chi hộ</td> <td>76.345.500</td> </tr> <tr> <td>Nhận ký quỹ mua vật tư</td> <td>400.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Trả ký quỹ, đặt cọc</td> <td>500.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi ký quỹ, đặt cọc mua vật tư phải trả</td> <td>28.980.821.919</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức nhận được</td> <td>78.929.198.000</td> </tr> <tr> <td>Thu hồi khoản vay</td> <td>300.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi cho vay</td> <td>2.547.945.205</td> </tr> <tr> <td>Đi vay</td> <td>100.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Trả tiền vay</td> <td>100.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi đi vay</td> <td>2.897.260.273</td> </tr> <tr> <td>Nhận chuyển nhượng cổ phần</td> <td>286.646.586.309</td> </tr> <tr> <td>Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của THIBIDI</td> <td>15.000.000 cổ phiếu CAV</td> </tr> </table>	Doanh thu bán hàng hóa	73.203.102.075	Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000	Các khoản chi hộ	76.345.500	Nhận ký quỹ mua vật tư	400.000.000.000	Trả ký quỹ, đặt cọc	500.000.000.000	Lãi ký quỹ, đặt cọc mua vật tư phải trả	28.980.821.919	Cổ tức nhận được	78.929.198.000	Thu hồi khoản vay	300.000.000.000	Lãi cho vay	2.547.945.205	Đi vay	100.000.000.000	Trả tiền vay	100.000.000.000	Lãi đi vay	2.897.260.273	Nhận chuyển nhượng cổ phần	286.646.586.309	Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của THIBIDI	15.000.000 cổ phiếu CAV
Doanh thu bán hàng hóa	73.203.102.075																																		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000																																		
Các khoản chi hộ	76.345.500																																		
Nhận ký quỹ mua vật tư	400.000.000.000																																		
Trả ký quỹ, đặt cọc	500.000.000.000																																		
Lãi ký quỹ, đặt cọc mua vật tư phải trả	28.980.821.919																																		
Cổ tức nhận được	78.929.198.000																																		
Thu hồi khoản vay	300.000.000.000																																		
Lãi cho vay	2.547.945.205																																		
Đi vay	100.000.000.000																																		
Trả tiền vay	100.000.000.000																																		
Lãi đi vay	2.897.260.273																																		
Nhận chuyển nhượng cổ phần	286.646.586.309																																		
Thế chấp tài sản cho nghĩa vụ nợ của THIBIDI	15.000.000 cổ phiếu CAV																																		

Phụ lục 02 – Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)														
6	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội ("HEM")	Công ty con	0100100456; Cấp ngày 03/10/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Km12, Đường Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu bán hàng hóa</td> <td>21.710.291.041</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu cung cấp dịch vụ</td> <td>36.000.000</td> </tr> <tr> <td>Các khoản chi hộ</td> <td>76.345.500</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức nhận được</td> <td>29.684.916.000</td> </tr> <tr> <td>Đi vay</td> <td>120.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi đi vay</td> <td>4.975.342.468</td> </tr> <tr> <td>Phát hành cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của HEM</td> <td>430.000.000.000 VND; 1.500.000 USD</td> </tr> </table>	Doanh thu bán hàng hóa	21.710.291.041	Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000	Các khoản chi hộ	76.345.500	Cổ tức nhận được	29.684.916.000	Đi vay	120.000.000.000	Lãi đi vay	4.975.342.468	Phát hành cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của HEM	430.000.000.000 VND; 1.500.000 USD
Doanh thu bán hàng hóa	21.710.291.041																				
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000																				
Các khoản chi hộ	76.345.500																				
Cổ tức nhận được	29.684.916.000																				
Đi vay	120.000.000.000																				
Lãi đi vay	4.975.342.468																				
Phát hành cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của HEM	430.000.000.000 VND; 1.500.000 USD																				
7	Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")	Công ty con	0108453005; Cấp ngày 03/01/2023; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 24/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 21/06/2022 - NQ số 25/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 21/06/2022	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu bán hàng hóa</td> <td>10.234.004.313</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu cung cấp dịch vụ</td> <td>36.000.000</td> </tr> <tr> <td>Các khoản chi hộ</td> <td>549.956.373</td> </tr> <tr> <td>Mua hàng hóa và dịch vụ</td> <td>742.817.959.550</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức nhận được</td> <td>146.230.500.000</td> </tr> <tr> <td>Phát hành cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của EMIC</td> <td>785.000.000.000</td> </tr> </table>	Doanh thu bán hàng hóa	10.234.004.313	Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000	Các khoản chi hộ	549.956.373	Mua hàng hóa và dịch vụ	742.817.959.550	Cổ tức nhận được	146.230.500.000	Phát hành cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của EMIC	785.000.000.000		
Doanh thu bán hàng hóa	10.234.004.313																				
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000																				
Các khoản chi hộ	549.956.373																				
Mua hàng hóa và dịch vụ	742.817.959.550																				
Cổ tức nhận được	146.230.500.000																				
Phát hành cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ nợ của EMIC	785.000.000.000																				
8	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Công ty con	3600241669; Cấp ngày 22/03/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 41/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 19/05/2021 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu bán hàng hóa</td> <td>305.154.087.986</td> </tr> <tr> <td>Lãi bán hàng trả chậm</td> <td>3.445.849.060</td> </tr> <tr> <td>Các khoản chi hộ</td> <td>305.253.156</td> </tr> <tr> <td>Cho vay</td> <td>400.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi cho vay</td> <td>5.819.178.083</td> </tr> </table>	Doanh thu bán hàng hóa	305.154.087.986	Lãi bán hàng trả chậm	3.445.849.060	Các khoản chi hộ	305.253.156	Cho vay	400.000.000.000	Lãi cho vay	5.819.178.083				
Doanh thu bán hàng hóa	305.154.087.986																				
Lãi bán hàng trả chậm	3.445.849.060																				
Các khoản chi hộ	305.253.156																				
Cho vay	400.000.000.000																				
Lãi cho vay	5.819.178.083																				

Phụ lục 02 – Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; Hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (bao gồm các hợp đồng được thông qua theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và các giao dịch khác (như nhận cổ tức, góp vốn, ...) như tổng hợp theo Báo cáo tài chính)
9	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT	0102576064; Cấp ngày 17/11/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 22, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022 - NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 - NQ 13/2022/GE/NQ-HĐQT, ngày 29/3/2022	Mua hàng hóa và dịch vụ 158.206.879 Chuyển nhượng cổ phần 520.000.000.000 Lãi trái phiếu kinh doanh nhận được 30.205.479.000
10	Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con	0107919237; cấp ngày 13/01/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022	Đi vay 30.000.000.000 Lãi đi vay 1.170.410.958 Lợi nhuận thu về 45.000.000.000
11	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con gián tiếp	4000455251; cấp ngày 06/01/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022	Đi vay 20.000.000.000 Lãi đi vay 1.494.794.520
12	Công ty TNHH Năng lượng Gelex Quảng Trị	Công ty con	3200685620 cấp ngày 17/03/2022; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị	Thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Năm 2022	- NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 15/04/2022 - NQ số 83/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 04/01/2022	Bảo lãnh nghĩa vụ nợ của Gelex Quảng Trị 1.025.105.339.724
13	Công ty Cổ phần Mua bán điện	Công ty con	0109975082 cấp ngày 22/04/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt Nam	Năm 2022	- NQ số 10/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 19/4/2022	Góp vốn 5.100.000.000
14	Công ty Cổ phần Máy tính – Truyền thông – Điều khiển 3C	Bên liên quan của thành viên HĐQT	0100231314 cấp ngày 17/09/1992; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 54 Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Năm 2022		Cổ tức đã trả 42.900.000.000